



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Huỳnh Kiem Phung
Last Middle First

Current Address: 14/1 TÔ 10 Ấp Linh Trung, Xã Linh Xuân - Thủ Đức

Date of Birth: 8/19/1931 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 75 To 09/01/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Trinh Phat Ha
Name

Address and Telephone number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Huỳnh Kiêm Phụng
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01- Phạm Phi Nga	1/25/38	wife
02- Huỳnh Thị Nguyệt Hằng	12.15.60	daughter
03- Huỳnh Kim Khánh	2/19/64	son
04- Huỳnh Kim Quang	2/26/66	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 1 tháng 12 năm 1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : HUYNH - KIÊM - PHUNG Sex: M
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : None
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 19-8-1931 - Vinhlong
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 14/1 Tô 4, ấp 8, thị trấn THUỐC
thành phố Hồ-chí-Minh VIETNAM.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 14/1 Tô 4, ấp 8, thị trấn THUỐC
thành phố Hồ-chí-Minh VIETNAM.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : SIGNAL OFFICER

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationships Liên-hệ gia-đình
Huỳnh - Kiêm - Phung	19/8/1931	Vinhlong	M	M	Myself
Phạm - phi - Nga	25-1-1938	Mytho	F	M	Wife
Huỳnh - thị - Nguyệt Hồng	15-12-1960	Thuốc	F	D	Daughter
Huỳnh - Kim - Khánh	19-2-1964	Khánh Hòa	M	S	Son
Huỳnh - Kim - Quang	26-2-1966	Thuốc	M	S	Son
Trần - duy - LAM	26-5-1948	Thuốc	M	S	Nephew
1.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy kết hôn (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thì ghi địa-chỉ của họ trong phần I.)

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

MAI THYET HA

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

Sister

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arriv...
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

1979

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

3. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

Huỳnh - Văn - Ngân (Dead)

2. Mother
Mẹ

Lê - Thị - Tân (Dead)

3. Spouse
Vợ/Chồng:

Phạm - phi - Nga (Living)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

None

5. Children
Con cái:

(1)	Huỳnh - phi - Loan	Living
(2)	Huỳnh - Kiên - Minh	Living
(3)	Huỳnh - Thị - Nguyệt Hằng	Living
(4)	Huỳnh - Kim - Trùng	Living
(5)	Huỳnh - Kim - Khánh	Living
(6)	Huỳnh - Kim - Quang	Living
(7)		
(8)		
(9)		

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	Huỳnh - Thị - Tiên	(Dead)
(2)	Huỳnh - Thị - Hương	(Living) 1152 Arnold St Endwell
(X)		NY 13760 USA
(3)	Huỳnh - Văn - Long	(Dead)
(4)	Huỳnh - Thị - Thơm	(Living)
(5)	Huỳnh - Tuyết - Mai	(other name): Mai - Thyet - Ha

Sa to loi - Ngày 27 - tháng 11 - năm 1989.

1/6/90 kính gửi = Chị Thuê - minh - Thảo.

Thưa chị, tôi rất vui mừng và sung sướng, khi được người bạn thân báo tin là được chị gửi thư trả lời về những điều mà chúng tôi rất quan tâm theo dõi. Cũng như tôi đã thật sự phấn khởi khi nghe chị phát biểu trên đài, sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi, những người cộng tác viên của Mỹ trước kia. Do đó tôi mong được hỗ trợ của chị về hoàn cảnh đặc biệt của tôi.

Tôi tên là Huỳnh - Kiên - Phụng sinh năm 1931. Cấp bậc Thiếu tá của chế độ Saigon đã học tập cải tạo từ ngày 15/6/75 đến ngày 1/9/1981.

Đến năm 1984, tôi có gửi hồ sơ theo đúng mẫu của chương trình ODP (Questionnaire for ODP applicants) đến 131 Soi Tien Siang Setborn Tai Road Bangkok Thailand 10120, (đến ngày 1.10.1984). Sau đó đến năm 1988, tôi lại tiếp tục gửi thêm 1 hồ sơ nữa đến Thailand, đến ngày 10.8.1988.

Những hồ sơ đã trên đều được gửi sang em ruột của tôi tại Ho Chi Minh ~~đang~~ ^{đã} định cư ở Bùn Mỹ từ năm 1978, để nhờ em tôi

²/chuyến tiếp đi Thailand. Em tôi tên là :
Mai Tuyết Hà

Em tôi có gói thư về, đã nhận đầy đủ hồ sơ
cả hai lần và đều gửi sang bên Thailand,
nhưng cho đến nay, tôi vẫn không được một
hồi đáp nào về phía Thailand cả.
Đến tháng 10 năm 1989, tôi được thư
EXPRESS của em tôi báo, gói giấy hồ sơ
đến em tôi chuyển đến Hội tư nhân chính
trị. Trong hồ sơ tôi phát hiện thêm vào
mục, đã trải qua học tập cải tạo ở
những trại nào, ghi rõ, gửi sang em
tôi, đã có mẫu đơn điền vào gói thư
cho tôi. (Không biết đó có phải là tờ chúc
do chỉ điền hành hay không). Tôi đã
ghi rõ đầy đủ gói sang em tôi, và qua
một năm nay, tôi có viết thư hỏi em tôi
xem có thấy & biết quả gì không, em tôi
có báo tin về, chưa thấy hồi trả lời
gì hết. Cho đến nay, tôi đã tiến hành
hồ tục đăng ký xuất cảnh tại Việt Nam theo
chương trình H.O, mà phía Mỹ và VN
đã ký kết hiệp định hồi tháng 10-1989.

3/ Trong hoàn cảnh đó tôi hết sức lo âu, và hoang mang, không biết các hồ sơ của tôi đã gửi đi, Tòa Đại sứ Mỹ ở Thailand có nhận được không, mà không thấy trả lời, trong khi đó có nhiều bạn tôi cũng gửi như vậy, đều được tin hồi đáp cả.

Tôi lại có một người chị ruột mới vừa được con báo lãnh, đã sang tới Mỹ vào tháng 4 năm 1989. Tên là: Huỳnh - Thi - Hồng

Em tôi là Mai Tuyết Hoa có gửi thư cho tôi liệt nêu xin đi theo diện tự nạn, cho không có đủ khả năng báo lãnh cho tôi, và việc được báo lãnh, thì gia đình phải nuôi, chính phủ không có trợ cấp gì cả.

Như vậy, tôi chỉ còn tin vào sự quan tâm và lòng tốt của chị, vì tôi hiểu chị cũng rất lo lắng, quan tâm đến số phận các anh em chúng tôi. Rất mong chị liên lạc với các tổ chức CDP bên Thailand xem có tên tôi trong danh sách mà phía Mỹ sẽ đưa ra họp bàn với VN không, vì tôi nhận thấy có đủ tiêu chuẩn để được cứu xét.

Trong hồ sơ ODP, tôi có đi du học Mỹ
lưu năm 1960, tại trường Fort ~~mouth~~^{Monmouth}
tiểu bang NEW JERSEY từ ngày 7-7-1960
đến 16-11-1960 khóa "Allied officer
Signal Company Course".

Nếu chị cần thêm chi tiết, xin chị liên
lạc với hai người, am và chị tôi, mà tôi đã
ghi địa chỉ ở trên.

Rất mong được thư trả lời của chị
tôi tin một ngày, 'không xa, tôi và gia đình
sẽ được trực tiếp nói chuyện qua điện
thoại với chị tại Hoa Kỳ, ba tiếng

«Rất Cảm ơn» «Thank you very much»

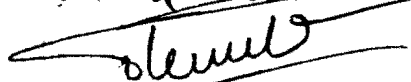
Hiện tại tôi đã về ở tại miền tây VN làm
an ninh sông trau khi chờ đợi kết quả.

Địa chỉ: Huỳnh-Kiểm-Phụng.

số nhà 91 - K2 Ấp Mỹ Thuận
Xã Tân Hòa Bắc, thị xã Vĩnh Long
tỉnh Cửu Long - VIETNAM.

TB - Tôi xin gửi kèm theo đây
1 bản sao giấy ra trại.

Kính thư.



Huỳnh-Kiểm-Phụng

6. Reason for Separation

Lý do nghi vấn

After 30-4-1975

7. Names of American Advisor(s):

Họ tên cố vấn Mỹ

Forget

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
tại Việt Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân thưởng hoặc giấy khen:

Protection of
Nation Medal

Date received:

Ngày nhận:

1970

NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☒

(Ghi ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bản, giấy khen, hoặc chứng thư nếu có.)

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn luyện ở
ngoại quốc

(First Lt PHUNG-HUYNH-KIEM)

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn luyện:

HUYNH-KIEM-PHUNG

2. School and School Address

Tên trường và địa chỉ nhà trường

Fort Monmouth New Jersey

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ

7-7-1960

To

Đến

16-11-1960

4. Description of Courses

Mô tả ngành học

Allied Officer Signal Company Course

5. Who paid for training?

Ai đài thọ chương trình huấn luyện?

U.S. Government

NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐

(Ghi ý: Xin bạn kèm theo văn bản, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐

11. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học tập cải tạo:

HUYNH-KIEM-PHUNG

2. Time in Reeducation: From

Thời gian học tập

From

Từ

15-6-1975

To

Đến

1-9-1981

3. Still in Reeducation?*

Vẫn còn học tập cải tạo?*

Yes

Có

No

Không

X

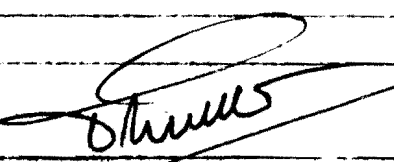
*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

Any Additional Remarks?/Cứu chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:



Date

Ngày:

1-12-1989

Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

Spouse/Ban hoặc vd/chong đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc công-sở

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu vo.
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HUYNH - KIEM - PHUNG
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 17-11-1953 Đến 30-4-1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Major Serial Number: 51/100.032
Số thẻ nhân-viên:
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chúng : General Military Warehouse Long Binh
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan hỷ-huy : Colonel Trương - đình - Liễn

BỘ NỘI VỤ
Trại T Á N Á I E P

Số 14 của CRT

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-01.TG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972



SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 63 ngày 28 tháng 8 năm 1981

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUYỀN KIỂM PHỤNG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1931

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Can tội Thiếu tá tổng Lữ Đoàn Lính

Bị bắt ngày 12/12/81 Án phạt TRỌT

Theo quyết định, án văn số 63 ngày 28 tháng 8 năm 1981 của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm 12 tháng 12

Đã được giảm án lần, cộng thành năm 12 tháng 12

Nay về cư trú tại 14/1 L. nh trung Lính quân, Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

cải tạo tiên bộ (quản chế 12 tháng)

Lấn tay ngón trỏ phải

Của Huyền Kiêm Phụng

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
Người được cấp giấy

Huyền Kiêm Phụng

Ngày 01 tháng 9 năm 1981

Giám thị

Phạm Ngọc Dương

PHẠM NGỌC DƯƠNG.

SÁO T Á N Á I E P

Thị trấn 15 năm 1981

AN PHẠM DÂN XÃ

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Văn Tinh

lông an rất linh nhân

- hai nhân đã đến - Linh Nhân

Ngày 16 - 9 - 81

T. CH. AN

CHỨNG THỰC

CHỈ KÝ

LÀ NGƯỜI

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



Phạm Văn H

Nguyễn Hữu Bình

NAM - VIỆT
(SUD VIET - NAM)

Quận Châu-Thành
(Délégation)
Tông Bình-Long
(Canton)
Xã Tân-Hòa
(Village)

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ
(RÉPUBLIQUE DU VIET-NAM)

BỘ ĐỜI CÔNG-DÂN VIỆT-NAM
(ETAT-CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1931

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Tân-Hòa

(Village)

TỈNH VINH - LONG

(Province)

(NAM - VIỆT)

(Sud Viet-Nam)

KHAI SANH SỐ 65

(Acte N°)

Nhà in LONG-HÒA - Vinhlong



Before 1975



1989.

Tên và họ đứa trẻ (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh-kiên-Phung
Nam hay Nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sanh (Date de naissance)	Le 19 Août 1931
Nơi sanh (Lieu de naissance)	Làng Tân-Hòa
Tên và họ người cha (Nom et prénom du père)	Huỳnh-văn-Ngân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Mécanicien
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân-Hòa
Tên và họ người mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Tân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Marchande
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang)	vợ chánh

Chúng tôi

(Nous)

Quận-Trưởng quận Châu-Thành

(Délégué Administratif)

Chứng hợp-pháp bút ký ngang đây còn

(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre)

Hội-Đồng Xã Tân-Hòa

(des Conseillers communaux du village de)

Vinhlong ngày 16 tháng 2 năm 1957.

Quận - Trưởng,

(Le Délégué Administratif)

Chánh Tổng,

TRÍCH Y BỔN CHÁNH

(Pour extrait conforme)

Tân-Hòa

ngày 15 tháng 2 năm 1957

le

Tổng thư ký,

(Le Secrétaire général)

Ủy-viên Hộ-tịch,

(Le Conseiller à l'Etat-civil)

Chu - Tịch: Kim Hộ - Tịch

[Signature]

[Signature]

Giấy này Quân nhân miễn

(Couta no)

Biên-lời số

lộ phí

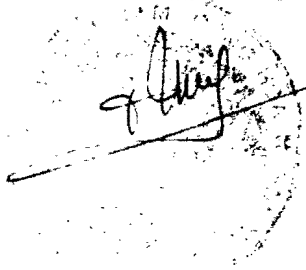
(Quittance)

Ho sơ quan nhân

HÔN-THỦ BẠC nhut

Số hiệu 65
(1)

Chứng thực chủ kỳ cưới
Linh-dong-xã được ủy.
Thuộc, ngày 1 tháng 1 năm 1957
Thị trấn - Trại G.



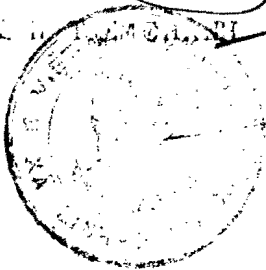
Linh dong xa ngày 17-1-1957
Hội đồng xã chứng thực chủ
ký tên các viên Hội tịch

Vi chúng

ĐẠI DIỆN

HỘI VIÊN CÁN SÁT

HỘI VIÊN CÁN SÁT



theo lục y theo hồ sơ chính nam
Hội viên no tịch

May

(1) Lễ chữa để
lược-biên án tòa
cải giấy hôn-thủ lại.

Người chồng : **Nguyễn Văn Phung**
(Tên, họ)

Nghề-nghiệp : **quản nhân**

Sinh tại : **Tân-Hoa (Vinh-Long)**

Sinh ngày : **10 tháng 8 năm 1937**

Cư-trú tại : **Linh Dong Xa**

Cha chồng : **Nguyễn Văn Ngan (song)**
(Tên, họ, sống chết phải nói)

Mấy tuổi : **20 tuổi**

Nghề-nghiệp : **quản nhân**

Cư-trú tại : **Tân-Hoa (Vinh-Long)**

Mẹ chồng : **Lê Thị Tân (song)**
(Tên, họ, sống chết phải nói)

Mấy tuổi : **37 tuổi**

Nghề nghiệp : **Nội trợ**

Cư-trú tại : **Tân-Hoa (Vinh-Long)**

Chủ-hôn bên trai : **Nguyễn Văn Ngan**
(Tên, họ)

Mấy tuổi : **27 tuổi**

Nghề-nghiệp : **quản nhân**

Cư-trú tại : **Tân-Hoa (Vinh-Long)**

Người vợ : **Phạm Thị Ngan**
(Tên, họ)

Vợ (chánh hay vợ thứ) : **chánh**

Nghề-nghiệp : **Nội trợ**

Sinh tại : **Tân-Hoa (Vinh-Long)**

Sinh ngày : **10 tháng 8 năm 1933**

Cư-trú tại : **Linh Dong Xa**

Cha vợ : **Nguyễn Văn Hai**
(Tên, họ, sống chết phải nói)

Mấy tuổi : **43 tuổi**

Nghề-nghiệp : **Giáo viên**

Cư-trú tại : **Linh Dong Xa**

Mẹ vợ :	Luu kim Le(chet)
(Tên, họ, sống chết phải nói)	
Mấy tuổi :	-----
Nghề-nghiệp :	-----
Cư-trú tại :	-----
Chủ-hôn bên gái :	P ham van Hai
(Tên, họ)	
Mấy tuổi :	43 tuoi
Nghề-nghiệp :	Giao vien
Cư-trú tại :	Linh dong xa
Người làm mai :	Vo mai nhon
(Tên, họ)	
Mấy tuổi :	
Nghề-nghiệp :	
Cư-trú tại :	
Ngày cưới :	
Ngày khai :	
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thức không ?	
Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức :	
Người chứng thứ nhứt :	Ha p hat Tinh
(Tên, họ)	
Mấy tuổi :	30 tuoi
Nghề-nghiệp :	Tho ky Hang Khong Viet-Nam
Cư-trú tại :	Saigon
Người chứng thứ nhì :	Pham van Qui
(Tên, họ)	
Mấy tuổi :	43 tuoi
Nghề-nghiệp :	Giam doc cai quan
Cư-trú tại :	Trai huong Nghiep Thuduc

Lập tại Linh dong xa, ngày 21 tháng II năm 195 6

^{Vợ chồng,}
Huynh kiêm Phung
Pham thi Nga

^{Mai-nhon,}
Vo mai nhon

^{Cha mẹ hai bên}
Huynh van Ngan (sống)
Le thi Tan
P ham van Hai
Luu kim Le (chet)

^{Họ-lai,}
Dang van Ngoc

^{Chủ-hôn,}
Huynh van Ngan
Pham van Hai

^{Nhon-chung,}
Hapbat Tinh
Pham van Qui

PHÒNG LỤC-SỰ' TÒA *Mylo*



BẢN SAO LỤC BỘ KHAI SANH

Mylo

Đang Căn hương

(NAM PHÂN VIỆT-NAM)

NĂM 1938

SỐ HIỆU *1A*

Tên, họ đứa con nít	<i>Tham-t-phu-1Cga</i>
Nam, nữ	<i>nuí</i>
Sanh ngày nào	<i>le 29 Janvier 1938</i>
Sanh tại chỗ nào	<i>Bản hương</i>
Tên, họ cha	<i>Tham văn Thai</i>
Cha làm nghề gì	<i>làm ruộng</i>
Nhà cửa ở đâu	<i>Chũ-Đức</i>
Tên, họ mẹ	<i>Liêu Kim Lễ</i>
Mẹ làm nghề gì	<i>đi may</i>
Nhà cửa ở đâu	<i>Chũ-Đức</i>
Vợ chánh hay là vợ thứ	<i>vợ chánh</i>

Imp. LA LUMIÈRE 108 Avenue Saigon

Chúng tôi, *Minh Sơn Hương*
Chánh-án Tòa Sơ-thẩm *Mylo*
đã cấp bản sao này cho ông *Minh Sơn Hương*
Chánh Lục-sự Tòa-án này.

Mylo
Ngày *19* tháng *6* năm *1952*

Sao y bản chánh.

Mylo Ngày *19* tháng *6* năm *1952*





hiệu : 2070

MỆNH LỆ THỜI
Lịch Dời

KHAI SANH

TRƯNG :
Chữ ký tên của Hội viên Hộ-
tịch dưới đây.
Lãnh đồng xa ngày 20/4/1964
Hội viên Hộ chính

Tên, họ của nhi :	Nguyễn thị Nguyệt-Hồng
Phái :	Con gái
Sinh :	Ngày mười lăm tháng mười hai dương lịch, một nghìn
(Ngày, tháng, năm)	chín trăm sáu mươi
Tại :	Hải đảo sinh Đại-Dũng Thuận
Cha :	Nguyễn Kiên Phương
(Tên, họ)	29 tuổi
Tuổi :	Quân nhân
Nghề-nghiep :	Lãnh đồng xã
Cư-trú tại :	Phạm phi Nga
Mẹ :	22 tuổi
(Tên, họ)	Hội trợ
Tuổi :	Lãnh đồng xã
Nghề-nghiep :	Vụ chính
Cư-trú tại :	Phạm văn Hai
Vợ :	47 tuổi
Người khai :	Giáo viên
(Tên, họ)	Lãnh đồng xã
Tuổi :	15 tháng 12 dương lịch 1960
Nghề-nghiep :	Đinh văn Lân
Cư-trú tại :	23 tuổi
Ngày khai :	Thợ kỹ
Người chứng thứ nhất :	Lãnh đồng xã
(Tên, họ)	Lê văn Ba
Tuổi :	23 tuổi
Nghề-nghiep :	Thợ kỹ
Cư-trú tại :	Lãnh đồng xã

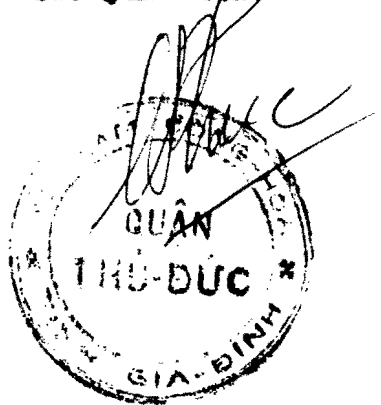
Sao lục y theo bộ chính 1960
Hội viên Hộ-Tịch

QUAN-Pha:

Kiểm thị và chứng thực chữ
ký tên của Hội đồng xã LINH-
DUNG trên đây.

TRƯNG ngày 20/4/1964

TL/ QUAN TRƯNG
PHÓ QUAN TRƯNG



LÊ VINH-Phúc
Pha Đương

Làm tại **LINH ĐÔNG XÃ**, ngày **15** tháng **12** năm **1960**

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

Phạm văn Hai

HỌC

Đinh văn Lân

Lê văn Ba

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

XÃ Linh - Đông

GIA-ĐÌNH

THỦ-ĐỨC

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1966Số hiệu 457

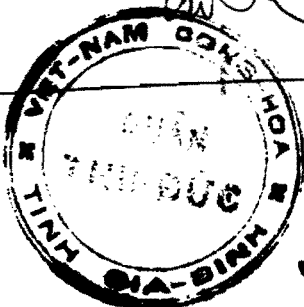
Tên, họ ấu nhi	<u>Nguyễn - Kim - Quang</u>
Phái	<u>Trái</u>
Sanh (ngày, tháng, năm)	<u>Ngày hai mươi sáu tháng hai dương lịch 1966</u>
Tại	<u>Nhà báo sanh Đại Đổng Thuận</u>
Cha (Tên, họ)	<u>Nguyễn - Kiên Phụng</u>
Nghề	<u>Quản nhân</u>
Cư-trú tại	<u>K.B.C. 43II</u>
Mẹ (Tên, họ)	<u>Phạm - Thị - Nga</u>
Nghề	<u>Hội trợ</u>
Cư-trú tại	<u>K.B.C. 43II</u>
Vợ (Chánh hay thứ)	<u>Vợ chánh</u>

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã

Linh Đông
Thủ-Đức, ngày 8 tháng 4 năm 196

TUN/
QUẬN-TRƯỞNG

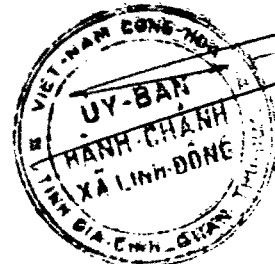
PHÓ QUAN TRƯỞNG



NGUYỄN-KHOA TÂM
Phó Đốc-Su

Trích y bản chánh năm 1966

Linh Đông ngày 8 tháng 4 năm 196
CHỦ-TỊCH KIÊM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



TRẦN-VĂN-HAI

KHAI SANH



TÊN HỌ AU-NHI

HUYEN - KIM - KHANH

Phái

Nam

Sinh ngày mười chín, tháng hai, năm một nghìn chín trăm sáu mươi bốn
(Ngày, tháng, năm)

Mười chín giờ

(19.02.1964)

Tại Thôn Phú-Rạng, Xã Vĩnh-Hải, Quận Vĩnh-Rạng, Tỉnh Khánh-Hoa

Cha

HUYEN - KIM - PHUOC

(Tên, họ)

Tuổi

33 tuổi

Nghề-nghiệp

Quân nhân

Cư-trú tại

Xã Vĩnh-Hải, KHC 4.311

Mẹ

PHUOC - THI - HOA

(Tên, họ)

Tuổi

26 tuổi

Nghề-nghiệp

Nhà trợ

Cư-trú tại

Xã Vĩnh-Hải, KHC 4.311

Vợ chánh hay thứ

Vợ chánh

Người khai

TRUON - THI - HOA

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiệp

Nhà hộ sinh

Cư-trú tại Xã Vĩnh-Hải, Quận Vĩnh-Rạng, Tỉnh Khánh-Hoa

Ngày khai

21, tháng 2, năm 1964

Người chứng thứ nhất

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp

Cư-trú tại

Người chứng thứ hai

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp

Cư-trú tại

NHÂN THỰC

Chữ ký Ông gđ. lđ.Xã Vĩnh-Hải

Vĩnh-Xương ngày 21 tháng 2 năm 1964

K.T. QUẢN-TRƯỞNG

H. QUẢN-TRƯỞNG



Phan Công Hề
Bản. Ngọc-Chất

VIỆT-HUNG Nhairang

Làm tại Xã Vĩnh-Hải, ngày 21 tháng 02 năm 1964

NGƯỜI KHAI

Ký tên: TRUON-THI-HOA

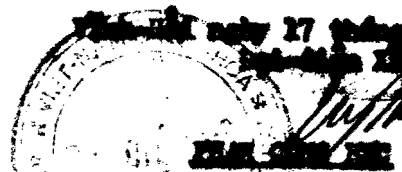
HỘ-LAI,

Ký tên: PHAN CÔNG HỀ

NHÂN-CHỨNG,

Ký tên: PHUOC THI HOA
Nhà hộ sinh

Vĩnh-Hải ngày 17 tháng 03 năm 1964



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... **THỊ TRẤN**
Huyện, Quận... **THUẬN**
Tỉnh, Thành phố... **HO CHI MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... **269**
Quyển số... **1988**



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên... **TRẦN DUY LAM** Nam hay nữ... **nam**
Ngày, tháng, năm sinh... **11/07 năm mới Mậu Thìn năm 1988**
trăm tám mươi tám (26/02/1988)
Nơi sinh... **Bệnh viện nhân dân Gia Định**
Dân tộc... **Kinh** Quốc tịch... **Việt Nam**

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	NGUYỄN THỊ NGUYỄN HỒNG	TRẦN CAO NGUYỄN
Tuổi	1968	1959
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Trợ thủ	Giáo viên
Nơi thường trú	14/1 ấp 8 Thị trấn	05 Lê Văn Việt ấp 4
	THUẬN	THUẬN

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

TRẦN CAO NGUYỄN

Đăng ký ngày... **29** tháng... **06** năm 19... **88**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

S. TH. TRẦN TH. C. S.
ĐA ĐANG KÝ

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày... tháng... năm 1989



T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
T. CHỦ TỊCH
VIỆN THƯ KÝ

L. V. L.

TB: Tôi vừa định gửi thư, kế tiếp có người bạn khác đến cho hay đã nhận được LOI từ Mỹ gửi về. Tôi hơi thất thối ra sao, bạn tôi cho biết làm đơn gửi sang tòa Đại sứ Mỹ tại San Francisco (ODP American Embassy APO San Francisco 96346 USA) kèm theo toàn bộ hồ sơ ODP, sau 1 tháng, nhận được cái LOI từ Mỹ gửi về. Vì thế tôi gửi kèm theo đây hồ sơ ODP của tôi cùng các giấy tờ hôn thú của vợ, khai sinh các con, để nhờ chị chuyển tiếp đến ODP American Embassy APO San Francisco 96346 USA, hãy với anh khác, mà chị biết có thẩm quyền. Bên này, tôi rất cần có LOI để bỏ tục vào hồ sơ nộp tại tòa xuất cảnh, mới được ưu tiên xét.

Vậy chị ráng xin cho tôi cái LOI gửi về càng sớm, càng tốt. Nếu cần thêm giấy tờ gì, chị cho biết, tôi sẽ gửi sang.

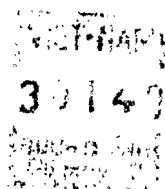
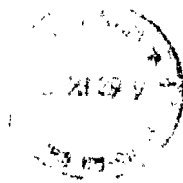
FROM: GV. HUYNH KIM KHANH

43 Võ Văn Ngân - Trường THPT Nguyễn Huệ
Chi trấn Thủ Đức - TP. HỒ CHÍ MINH.

Việt Nam.

R

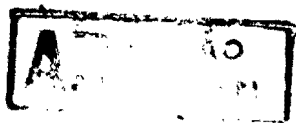
129 8



TO: KHUẾ MINH THƠ

PO. Box 5435 ARLINGTON

VA. 22205 - 0635. USA.



DEC 6 1989

65g = 30140

CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỌI ĐƠN

ODP I.V.# 1-----

Date :
Ngày : 25-10-1984

Fill out this questionnaire in English completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.
Xin điền vào sơ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt; Nếu bạn không đọc hoặc viết được tiếng Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :
Gởi sơ câu hỏi này tới :
151 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
BANGKOK - THAILAND
10120

A. Basic Identification Data/ Sơ lược căn bản

1. Name Sex
Họ, tên HUYNH KIEM PHUNG Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác NONE
3. Date/ Place of Birth
Ngày/ Nơi sinh 12-8-1931 VINH LONG
4. Residence Address
Địa chỉ thường trú 14/1 TÔ 10 ẤP LINH TRUNG XÃ LINH XUÂN
HUYỆN THU ĐỨC TỈNH PHÚ THỌ
5. Mailing Address
Địa chỉ thư từ 14/1 TÔ 10 ẤP LINH TRUNG XÃ LINH XUÂN
HUYỆN THU ĐỨC TỈNH PHÚ THỌ
6. Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại SIGNAL OFFICER A.R.V.N.

B. Relatives To Accompany Me/ Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your Spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS), as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Vợ/chồng và con cái chưa cưới là những người duy nhất được đi kèm bạn. Kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), Đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Place Of Birth Nơi sinh	Date of Birth Ngày/ tháng/ năm sinh	Sex Giới	MS Tình trạng: liên hệ Gia Đình	Relationship Mối quan hệ
1. HUYNH KIEM PHUNG	VINH LONG	12-8-1931	M	M	MYSELF
2. HUYNH PHU ANH	MỸ THO	25-1-1932	F	M	WIFE
3. HUYNH PHU LOAN	VINH LONG	23-8-1952	F	M	DAUGHTER
4. HUYNH KIEM MINH	TÂY NINH	16-12-1958	M	S	SON
5. HUYNH THU NGUYEN	THU ĐỨC	15-12-1960	F	S	DAUGHTER
6. HUYNH KIM KHANH	KHANH HOA	19-2-1964	M	S	SON
7. HUYNH KIM QUANG	THU ĐỨC	26-2-1966	M	S	SON
8. NGUYEN VAN CU	SÔNG BÈ	25-8-1956	M	M	SON IN LAW
9. NGUYEN TUAN VU	THU ĐỨC	02-1-1984	M	S	NEPHEW
10.					

(NOTE : For the persons listed above, we will legible copies of Birth Certificates, Marriage Certificate (if married), Divorce (if divorced), Spouse's death Certificate (if widowed), Identification Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, hôn thú, (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ Căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không cùng ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I)

C. Relatives Outside Vietnam/ Bà con ở Ngoài Quốc

Of Myself / Của Tôi

Of My Spouse/ Của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name
Họ, tên

MAI TUYET HA

b. Relationship

1. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày họ đến địa Mỹ

1979

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Người thân gần nhất ở nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên hệ gia đình

c. Address

Địa chỉ

3. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách Toàn Thể Gia Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

HUYỀN VĂN NGÂN (DEAD)

2. Mother

Mẹ

LÊ THỊ TÂN (DEAD)

3. Spouse

Vợ/Chồng

PHẠM PHỈ NGÀ (LIVING)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/chồng trước (nếu có)

NONE

5. Children

Con cái

- (1) HUYỀN PHỈ LOAN (LIVING)
- (2) HUYỀN KIEM MINH (LIVING)
- (3) HUYỀN THỊ NGUYỄN HỒNG (LIVING)
- (4) HUYỀN KIM KHANH (LIVING)
- (5) HUYỀN KIM QUANG (LIVING)
- (6) NGUYỄN VĂN CÚ (LIVING)
- (7) NGUYỄN TUẤN VŨ (LIVING)
- (8)
- (9)

6. Siblings

Anh chị em

- (1) HUYỀN THỊ TIẾNG (LIVING)
- (2) HUYỀN THỊ THUẬN (LIVING)
- (3) HUYỀN VĂN LAM (DEAD)
- (4) HUYỀN THỊ THƠM (LIVING)
- (5) HUYỀN THỊ TUYẾT MAI (OTHER NAME MAI TUYẾT HÀ)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

4. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your Spouse/Đã hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho Công ty của Chính Phủ Mỹ hoặc hãng M.

1. Employee Name

Tên họ nhân viên

Position

Chức vụ

Agency/Company/Office

Số/Hạng/Văn Phòng

Length of Employment From

To

Thời gian làm việc từ

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ Giám Thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

2. Employee Name

Tên họ nhân viên

Position

Chức vụ

Agency/Company/Office

Số/Hạng/Văn Phòng

Length of Employment From

To

Thời gian làm việc từ

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ Giám Thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

3. Employee Name

Tên, họ nhân viên

Position

Chức vụ

Agency/Company/Office

Số/Hạng/Văn Phòng

1. Name of Person serving
Họ tên người tham gia : HUYNH - KIEM - PHUNG
2. Dates
Ngày, tháng, năm From : 17-11-1953 To : 30-4-1975
3. Last Rank
Cấp bậc cuối cùng : MAJOR Serial Number : 51/100-032
Số thẻ nhân viên :
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Sở/Đơn vị Minh Quang : MILITARY WAREHOUSE - LONG BINH
5. Name of Commander Supervisor Officer
Họ tên người Chỉ huy là Quân Chức Hay : COLONEL - TRUONG BINH LIEN
6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : AFTER - 30/4/1975
7. Name of American Advisor(s)
Họ tên Cố Vấn Mỹ : FORGER
8. U.S. AWARDS or Certificates
Tên của huân chương, huy chương, hoặc bằng khen : PROTECTION OF NATION MEDAL Ngày nhận : 1970
Ngày nhận :
9. U.S. Training Courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa-Kỳ tại Việt-Nam :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ Ý : Xin kèm theo bản sao văn bằng, huy chương, hoặc bằng khen, nếu có. Có hay không? Có Không .)

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở nước ngoài

1. Name of Student/Trainee
Họ tên sinh viên/người được huấn luyện : FIRST - PHUNG-HUYNH KIEM
2. School and School Address
Trường và địa chỉ nhà trường : FORT MONMOUTH - NEW JERSEY
3. Dates
Ngày, tháng, năm From : 7-7-1960 To : 16-11-1960
4. Description of Courses
Mô tả chương học : ALLIED OFFICER SIGNAL COMPANY COURSE
5. Who paid for Training?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện? : U. S. GOVERNMENT

(NOTE : Please attach copies of diplomas or awards, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ Ý : Xin kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Có hay không? Có Không .)

11. Re-education of You or Your Young/ Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of person in Reeducation
Họ tên người đi học tập cải tạo : HUYNH - KIEM - PHUNG
2. Time in Reeducation : From
Thời gian học tập Từ : 15-6-1975 To : 1-9-1981
3. Still in Reeducation?
Bạn còn học tập cải tạo? Yes No
Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

12. Any Additional Remarks?/ Các chú ý khác

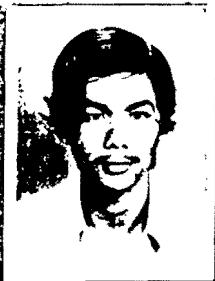
MY HOBBY IS TO BE SEATTLE IN UNITED STATES CALIFORNIA
WHERE I SHOULD HAVE MANY VIETNAMESE AND AMERICAN
FRIENDSHIP HELP ME AT FIRST INSTALLATION FURTHER
MORE I HOPE TO PERFECT MY TECHNICAL SKILL
WITH ALL MY CHILDREN

13. Signature
Ký tên : [Signature] Date
Ngày : 25-10-1984

14. Please list Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin liệt kê tại đây các giấy tờ kèm theo với đơn hỏi này
1. RELEASE CERTIFICATE OF REEDUCATION CAMP 2. MARRIAGE CERTIFICATE
3 BIRTH CERTIFICATE 40 PHOTOS

KHAI SANH



TÊN HỌ AU-NHI

HUYNH - KIM - KHÁNH

Phái

Nam

Sanh ngày mười chín, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn
(Ngày, tháng, năm)

lúc mười chín giờ

(19.02.1964)

Tại Thôn Phú Xương, Xã Vĩnh-Hải, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa

Cha

HUYNH - KIM - PHUNG

(Tên, họ)

Tuổi

33 tuổi

Nghề-nghiep

Quân nhân

Cư-trú tại

Cư xá, KBC 4.311

Mẹ

PHAM - THI - NGÀ

(Tên, họ)

Tuổi

26 tuổi

Nghề-nghiep

Nội trợ

Cư-trú tại

Cư xá, KBC 4.311

Vợ chánh hay thứ

Vợ chánh

Người khai

TRẦN THỊ NHAN

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại Xã Vĩnh-Hải, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa

Ngày khai

21, tháng 2, năm 1964

Người chứng thứ nhất -

NHAN - CHUNG

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại

K.T. QUẬN - TRƯỞNG

Người chứng thứ nhì

K.T. QUẬN - TRƯỞNG

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại

K.T. QUẬN - TRƯỞNG

VIỆT-HUNG Nha Trang

Làm tại Xã Vĩnh-Hải, ngày 21 tháng 02 năm 1964

NGƯỜI KHAI

Ký tên: TRẦN THỊ NHAN

HỘ-LẠI,

Đại-diện Xã kiêm

Ký tên: PHẠM CÔNG BẮC

NHÂN-CHUNG,

PHUNG TRÍCH LỰC

khai sinh

Vĩnh-Hải ngày 17 tháng 03 năm 1964

Đại-diện Xã





GIA-ĐÌNH

THỦ-ĐỨC

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1966Số hiệu 457

Tên, họ ấu nhi	<u>Hùng - Kim - Giang</u>
Phái	<u>Trái</u>
Sanh (ngày, tháng, năm)	<u>Ngày hai mươi sáu tháng hai dương lịch 1966</u>
Tại	<u>Bà bản sinh Đại Đồng Thuận</u>
Cha (Tên, họ)	<u>Hùng - Kim Phụng</u>
Nghề	<u>Quản nhân</u>
Cư-trú tại	<u>K.B.C. 43II</u>
Mẹ (Tên, họ)	<u>Phạm - Thị - Nga</u>
Nghề	<u>Nội trợ</u>
Cư-trú tại	<u>K.B.C. 43II</u>
Vợ (Chánh hay thứ)	<u>Vợ chính</u>

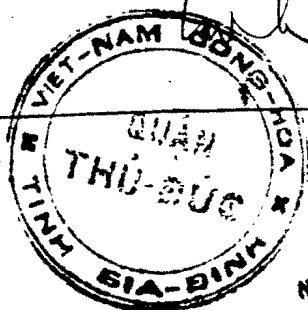
Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã

Linh Đông
Thủ-Đức, ngày 8 tháng 4 năm 196

QUẬN-TRƯỞNG

TƯ/

P. QUẢN TRƯỞNG



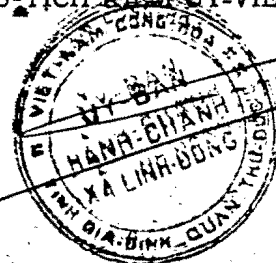
NGUYỄN-KHUA TANH
P. QUẢN TRƯỞNG

Trích y bản chính

năm 1966

Linh Đông ngày 8 tháng 4 năm 196

CHỦ-TỊCH KIỂM-UY-VIÊN HỘ-TỊCH





Số hiệu: 2050

THỰC

Hội viên

MIỀN
Đông Nam Bộ

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi: Huỳnh thị Nguyệt Hồng

Phái: Con gái

Sinh: ngày mười lăm tháng mười hai dương lịch

(Ngày, tháng, năm) Một ngàn chín trăm sáu mươi

Tại: Nhà báo sanh Đại Đồng Thước

Cha: Huỳnh kiêm Phụng

(Tên, họ)

Tuổi: 29 tuổi

Nghề-nghiệp: Quân nhân

Cư-trú tại: Linh đông xã

Mẹ: Phạm phi Nga

(Tên, họ)

Tuổi: 22 tuổi

Nghề-nghiệp: Hội trợ

Cư-trú tại: Linh đông xã

Vợ: vợ chánh

Người khai: Phạm văn Hai

(Tên, họ)

Tuổi: 47 tuổi

Nghề-nghiệp: Giáo viên

Cư-trú tại: Linh đông xã

Ngày khai: 15 tháng 12 dương lịch 1960

Người chứng thứ nhất: Đinh văn Lắm

(Tên, họ)

Tuổi: 23 tuổi

Nghề-nghiệp: Thư ký

Cư-trú tại: Linh đông xã

Người chứng thứ nhì: Lô văn Ba

(Tên, họ)

Tuổi: 23 tuổi

Nghề-nghiệp: Thư ký

Cư-trú tại: Linh đông xã

Làm tại Linh đông xã, ngày 15 tháng 12 năm 1960

Người khai,

Phạm văn Hai

Hộ-lại,

Đặng văn Ngọc

Nhân-chứng,

Đinh văn Lắm

Lô văn Ba

KIẾN THỊ VÀ CHỨNG THỰC

Chữ ký của

Thôn Đông Xã

Linh Đông

biên đây

được ngày 28-12-1960

QUẢN-TRƯỞNG

Trung Ủy TRƯƠNG NGỌC HỒNG

MIỀN BẮC
Đền thờ d. K.

KHAI SANH



Số hiệu: 2050

H. THỰC

Hội viên

17-12-1960

ĐẠI DIỆN VI

HỘI VIÊN CẢNH SÁT

HỘI VIÊN CẢNH SÁT



Số lần khai sinh: 1 lần thành năm 1960

HỘI VIÊN HỒ TỊCH

Nguyễn

ĐĂNG-VĂN-NG

KIẾN THỊ CHỨNG THỰC

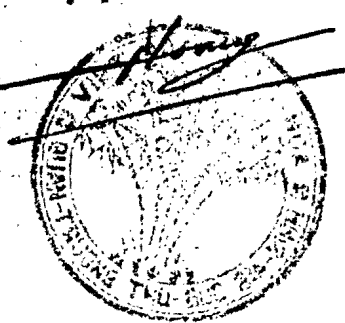
Chữ ký

Linh Đông Xa

Linh Đông biên đây

ngày 28-12-1960

QUẢN-TRƯỞNG



Trung Ủy TRƯỞNG NGỌC-HƯƠNG

Tên, họ ấu-nhi :	Huỳnh thị Nguyệt Hồng
Phái :	Con gái
Sinh : (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười lăm tháng mười hai dương lịch Một ngàn chín trăm sáu mươi
Tại :	Nhà báo sanh Đại Đồng Thước
Cha : (Tên, họ)	Huỳnh kiêm Phụng
Tuổi :	29 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân nhân
Cư-trú tại :	Linh đông xa
Mẹ : (Tên, họ)	Phạm phi Nga
Tuổi :	22 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội trợ
Cư - trú tại :	Linh đông xa
Vợ :	vợ chánh
Người khai : (Tên, họ)	Phạm văn Hai
Tuổi :	47 tuổi
Nghề-nghiệp :	Giáo viên
Cư-trú tại :	Linh đông xa
Ngày khai :	15 tháng 12 dương lịch 1960
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	Dinh văn Lắm
Tuổi :	23 tuổi
Nghề-nghiệp :	Thợ ký
Cư-trú tại :	Linh đông xa
Người chứng thứ nhì : (Tên, họ)	Lô văn Ba
Tuổi :	23 tuổi
Nghề - nghiệp :	Thợ ký
Cư-trú tại :	Linh đông xa

Làm tại Linh đông xa , ngày 15 tháng 12 năm 1960

Người khai,
Phạm văn Hai

Hợp-lai,
Dũng văn Ngọc

Nhân-chứng,
Dinh văn Lắm
Lô văn Ba

KHAI SANH



TÊN HỌ AU-NHI

HUYNH - KIM - KHÁNH

Phái

Nam

Sanh ngày mười chín, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn

(Ngày, tháng, năm)

lúc mười chín giờ

(19.02.1964)

Tại Thôn Phú Xương, Xã Vĩnh-Hải, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa

Cha

HUYNH - KIM - PHỤNG

(Tên, họ)

Tuổi

33 tuổi

Nghề-nghiep

Quân nhân

Cư-trú tại

Cư xá, KBC 4.311

Mẹ

PHẠM - THỊ - NGÀ

(Tên, họ)

Tuổi

26 tuổi

Nghề-nghiep

Nội trợ

Cư-trú tại

Cư xá, KBC 4.311

Vợ chánh hay thứ

Vợ chánh

Người khai

TRẦN THỊ NHAN

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại Xã Vĩnh-Hải, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa

Ngày khai

21, tháng 2, năm 1964

Người chứng thứ nhất

NHAN - CHUNG

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại

Cư xá, KBC 4.311

Người chứng thứ nhì

QUANG - THỊ

(Tên, họ)

Tuổi

38 tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại

Cư xá, KBC 4.311

VIỆT-HUNG NHAI

Làm tại Xã Vĩnh-Hải, ngày 21 tháng 02 năm 1964

NGƯỜI KHAI

Ký tên: TRẦN THỊ NHAN

HỌ-LẠI,

Đại-diện Xã kiêm

Ký tên: PHẠM CÔNG BẮC

NHAN-CHUNG,

PHỤNG TRÍCH LỰC

khai sinh

Vĩnh-Hải ngày 17 tháng 03 năm 1964

Đại-diện Xã

PHẠM CÔNG BẮC

VIỆT - NAM - VIỆT
(VIET - NAM)

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ
(RÉPUBLIQUE DU VIET-NAM)

Quận Châu-Thành
(Délégation)
Tông Bình-Long
(Canton)
Xã Tân-Hòa
(Village)

BỘ ĐỜI CÔNG-DÂN VIỆT
(ETAT-CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1931

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

Xã Tân-Hòa TỈNH VINH-LONG
(Village) (Province)

KHAI SANH SỐ 65

(Acte N°)

Nhà in



19/75



Tên và họ đứa trẻ (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh-kiên-Phung
Nam hay Nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sinh (Date de naissance)	Le 19 Août 1931
Nơi sinh (Lieu de naissance)	Làng Tân-Hòa
Tên và họ người cha (Nom et prénom du père)	Huỳnh-văn-Ngân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Mécanicien
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân-Hòa
Tên và họ người mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Tân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Marchande
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang)	vợ chánh

Chúng tôi

(Nous)

Quận-Trưởng quận Châu-Thành
(Délégué Administratif)

Chúng hợp-pháp bút ký ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre)

Hội-Đồng Xã Tân-Hòa
(des Conseillers communaux du village de)

Vinhlong ngày 16 tháng 2 năm 1957.

Quận - Trưởng,
(Le Délégué Administratif)

TRÍCH BẢN CHÍNH
(Pour extrait conforme)

Tân-Hòa ngày 15 tháng 1

Tổng thư ký, Ủy
(Le Secrétaire général) (Le Com.)

Chu - Tịch kim Hộ -

Giấy này
(Certi X)
Biên-lời
(Quittance)

SOUTH VIET NAM

District: Capital
Canton: Binh Long
Village: Tan Hoa

REPUBLIC OF VIET NAM

VIETNAMESE CIVIL STATUS

EXTRACT COPY OF BIRTH RECORD in 1931
Tan Hoa village, Vinh Long province, South Viet Nam
No. 65

Last & First name of Child	HUYNH KIEM PHUNG
Sex	Male
Date of Birth	August 19, 1931
Place of Birth	Tan Hoa village
Father's name	HUYNH VAN NGAN
Occupation	Mechanic
Domicile	Tan Hoa village
Mother's name	LE THI TAN
Occupation	Businesswoman
Domicile	Tan Hoa village
Legal or second wife	legal wife

I, Chief of Capital District
certified for legalization
the signature of the Committee
of Tan Hoa village
Vinh Long, February 16, 1957
By the order of Chief District
Chief Canton
Signed: illegible
Sealed: Chief of Capital District
Vinh Long
Republic of Viet Nam

EXTRACT COPY OF ORIGINAL
Tan Hoa, February 15, 1957

Secretary General Civil Status Officer

Chairman concurrently Civil Status Officer
Signed: illegible
Sealed: illegible

Costs: Without charge
ReceiptNo. for
servi cem

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, LAI DOAN, hereby certify that the above is an
accurate translation of the document in Vietnamese
and French, and that I am competent in three languages
Vietnamese, English and French to render such trans-
lation.

Date: June 28, 1983

Lai Doan
LAI DOAN

Sworn and subscribed to before me
this 28th day of June, 1983.

Daniel J. Klement
Notary Public
Daniel J. Klement, Notary Public
Lancaster, Lancaster County, PA
My Commission Expires Dec. 15, 1986

lancastr - 10 - 9 - 1988

Kính thưa quý Hỡi

Bố là thân nhân của ông cựu
thiếu tá Huỳnh Kiên phung, ông nhờ tôi
nộp đơn hồ sơ của ông; đã lâu lắm
khoảng 3 năm nay, gửi qua thái lan,
để được cho đi theo chương trình tị nạn
của những cựu quân nhân học tập cải
tạo, nhưng đến nay cũng o có kết quả gì. Vậy
hãy! tôi xin nhờ quý Hỡi lo chuyển đơn hồ
sơ cho ông, kính mong quý Hỡi lo đơn
cho ông, được sang Mỹ. Vì hiện nay
ông sống ở VN rất khổ, mà tôi thì
o lo cho ông nữa theo chương trình
immigrant. Tôi gửi theo đây hồ sơ
của ông, mong quý Hỡi coi. Còn thiếu
sốt gì? và tôi gửi theo phong bì có
địa chỉ của tôi, nếu cần thêm giấy tờ
hồ sơ, xin quý Hỡi liên lạc với tôi.
Cười thủ kính chúc quý Hỡi - được an
khang.

Mai Ka



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001/QLTĐ, ban hành theo công văn số 2503 ngày 27 tháng 11 năm 1972

(tr) T. A. H. T. P.

Số 144/CRT

(1)

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành án văn, quyết định tha số 63 ngày 28 tháng 8 năm 1981

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUỖNH KIỂM PHỤNG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1931

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Cao tại Thiệu tá tổng kho Long bình

Bị bắt ngày An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 14/1 L, nh trung, Linh Xuân, Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

cải tạo thêm bộ (quản chế 12 tháng)

Là ủy viên và phó của Huynh Kiem Phung

Đơn vị ban số

Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

[Signature]



Ngày 01 tháng 9 năm 1981

Chức vụ

PHẠM NGỌC DƯƠNG.

Linh 15 10 năm 1981



TƯ VIỆN THỦ MƯ



SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thực hành án văn, quyết định tha số 63 ngày 28 tháng 6 năm

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy thả khoanh, chỉ số tên sau đây:

Họ, tên thật/tên gọi HUYNH KIEM PHONG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bị danh

Sinh ngày tháng năm 1931

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Cam tời Thiệu tá tổng kho Long Bình

Bị bắt ngày An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần; cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần; cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 14/1 Linh Trung, Linh Xuân, Thủ Đức, TP Hồ

Nhận xét quá trình cải tạo

cải tạo tiến bộ (quản chế 12 tháng)

Lần này được thả trước
Của HUYNH KIEM PHONG

Định biên số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Dương



Ngày 01 tháng 9 năm

Giám thị

PHAM NGOC



(1)

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thủ hành án văn, quyết định tha số 63 ngày 28 tháng 6 năm

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy thả cho anh/chị có tên sau đây:

Họ tên thật anh/chị HOÀNG KIỂM PHONG

Họ tên thường gọi

Họ tên bị bắt

Sinh ngày tháng năm 1931

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Can tội Thiếu tá tổng kho Long Bình

Bị bắt ngày tháng năm của TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần; cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần; cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 14/1 Linh Trung, Linh Xuân, Thủ Đức, TP. HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

cải tạo tiến bộ (quản chế 12 tháng)

Lần này, người thả phải
Của HOÀNG KIỂM PHONG

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy



Ngày 01 tháng 9 năm

Giám thị

PHẠM NGỌC

MR. DONALD L. COLLIN

DIRECTOR

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

DEAR SIR

I UNDERSIGNED HUYNH KIEM PHUNG BORN 19.8-1931
SIGNAL MAJOR ARVN, RESIDING 14/1 ẤP LINH TRUNG, XÃ LINH XUÂN
HUYỆN THU ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM
HAVE THE HONOR TO SEND TO YOU THE QUESTIONNAIRE ODP/D
FOLLOWING THE PROCEDURE.

I AM GRATEFUL AND THANKFUL FROM YOUR HUMANITARIAN
ASSISTANCE IN ORDER TO OBTAIN THE IV NUMBER AND THE U.S
ENTRY VISA WORKING LISTE NUMBER -

SINCERELY

MR. DONALD L. COLLIN

DIRECTOR

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

DEAR SIR

I UNDERSIGNED HUYNH KIEM PHUNG BORN 19-8-1931
SIGNAL MAJOR ARVN, RESIDING 14/1 ẤP LINH TRUNG, XÃ LINH XUÂN
HUYỆN THU ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM
HAVE THE HONOR TO SEND TO YOU THE QUESTIONNAIRE ODP/D
FOLLOWING THE PROCEDURE.

I AM GRATEFUL AND THANKFUL FROM YOUR HUMANITARIAN
ASSISTANCE IN ORDER TO OBTAIN THE IV NUMBER AND THE U.S
ENTRY VISA WORKING LISTE NUMBER -

SINCERELY



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

[trại] T A H H T P

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hành theo công văn số
220 ngày 27 tháng 11
năm 1972Số Lưu giữ CR

(1)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

MILSD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành án văn, quyết định của số 63 ngày 28 tháng 8 năm 1961của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy ra trại như chỉ có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUỖNH KIỂM PHÙNG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1931Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú quốc tịch bị bắt

Can tội Thiếu tá tổng kho Long bìnhBị bắt ngày tháng năm tại TTCTTheo quyết định, án văn số ngày tháng năm của Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng Nay ra trại từ 14/1 tại L. nh trung, Linh xuân, Thủ đức, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình chỉ tạo

Cải tạo tiến bộ (quản chế 12 tháng)

Lời ủy quyền và phê

của Huỳnh Kiểm Phụng

Danh bốn số

Lớp tại

Họ tên, chức vụ

người được cấp giấy

Phạm Ngọc DươngNgày 01 tháng 9 năm 1961

Chức vụ

PHẠM NGỌC DƯƠNG.

Linh

15 10 năm 1961

VIỆN THƯ KÝ

VIỆT - NAM - VIỆT
(VIET - NAM)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
(RÉPUBLIQUE DU VIETNAM)

Quận Châu - Thành
(Délégation)
Tông Bình - Long
(Canton)
Xã Tân - Hòa
(Village)

BỘ ĐỜI CÔNG - DÂN VIỆT
(ÉTAT-CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1931
(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)
Xã Tân - Hòa TỈNH VINH - LONG
(Village) (Province)
KHAI SANH SỐ 65
(Acte N°)

Nhà in 1



19/5



Tên và họ đứa trẻ (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh - Kiêm - Phụng
Nam hay Nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sinh (Date de naissance)	Le 19 Août 1931
Nơi sinh (Lieu de naissance)	Làng Tân - Hòa
Tên và họ người cha (Nom et prénom du père)	Huỳnh - Văn - Ngân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Mécanicien
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân - Hòa
Tên và họ người mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê - Thi - Tân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Marchande
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân - Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang)	vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)
Quận - Trưởng quận Châu - Thành
(Délégué Administratif)
Chứng hợp - pháp bút ký ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci contre)
Hội - Đồng Xã Tân - Hòa
(des Conseillers communaux du village de)
Vinhlong ngày 16 tháng 2 năm 1957.

Quận - Trưởng,
(Le Délégué Administratif)

TRÍCH BẢN CHÍNH
(Pour extrait conforme)

Tân - Hòa ngày 15 tháng 1957

Tổng thư ký, Ủy.
(Le Secrétaire général) (Le Chef)

Chu - Tịch kim Hộ -

Giấy này
(Copie)
Biên - bản
(Quittance)

SOUTH VIET NAM

District: Capital
Canton: Binh Long
Village: Tan Hoa

REPUBLIC OF VIET NAM

VIETNAMESE CIVIL STATUS

EXTRACT COPY OF BIRTH RECORD in 1931
Tan Hoa village, Vinh Long province, South Viet Nam
No. 65

Last & First name of Child	HUYNH KIEM PHUNG
Sex	Male
Date of Birth	August 19, 1931
Place of Birth	Tan Hoa village
Father's name	HUYNH VAN NGAN
Occupation	Mechanic
Domicile	Tan Hoa village
Mother's name	LE THI TAN
Occupation	Businesswoman
Domicile	Tan Hoa village
Legal or second wife	legal wife

I, Chief of Capital District
certified for legalization
the signature of the Committee
of Tan Hoa village

Vinh Long, February 16, 1957

By the order of Chief District

Chief Canton

Signed: illegible

Sealed: Chief of Capital District

Vinh Long

Republic of Viet Nam

EXTRACT COPY OF ORIGINAL
Tan Hoa, February 15, 1957

Secretary General

Civil Status Officer

Chairman concurrently Civil Status Officer

Signed: illegible

Sealed: illegible

Costs: Without charge

Receipt No. for

servi cem

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, LAI DOAN, hereby certify that the above is an
accurate translation of the document in Vietnamese
and French, and that I am competent in three languages
Vietnamese, English and French to render such trans-
lation.

Date: June 28, 1983

Lai Doan
LAI DOAN

Sworn and subscribed to before me
this 28th day of June, 1983.

James M. Klementovich
Notary Public
James M. Klementovich, Notary Public
Lancaster, Lancaster County, PA
My Commission Expires Dec. 15, 1986

NAM - VIET
(SUD VIET - NAM)

VIET - NAM CONG - HOA
(REPUBLIQUE DU VIET-NAM)

Quận Châu-Thành
(Délégation)
Tông Bình-Long
(Canton)
Xã Tân-Hòa
(Village)

BỘ ĐỜI CÔNG-DÂN VIỆT-NAM
(ETAT-CIVIL VIETNAMIEEN)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1931

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Tân-Hòa
(Village)

TỈNH VINH-LONG
(Province)

(NAM-VIET)
(Sud Viet-Nam)

KHAI SANH SỐ 65

(Acte N°)

Nhà in LONG-HA - Vinhlong

Tên và họ đứa trẻ (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh-kiểm-Phụng
Nam hay Nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sanh (Date de naissance)	Lê 19 Aoút 1931
Nơi sanh (Lieu de naissance)	Làng Tân-Hòa
Tên và họ người cha (Nom et prénom du père)	Huỳnh-văn-Ngân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Mécanicien
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân-Hòa
Tên và họ người mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Tân
Nghề - nghiệp (Sa profession)	Marchande
Nơi cư trú (Son domicile)	Làng Tân-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang)	Vợ chánh



Chúng tôi
(Nous)

Quận-Trưởng quận Châu-Thành
(Délégué Administratif)

Chúng hợp-pháp bút ký ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre)

Hội-Đồng Xã Tân-Hòa
(des Conseillers communaux du village de)

Vinhlong ngày 16 tháng 2 năm 1957.

L. Quận-Trưởng,
(Le Délégué Administratif)

Chánh-Tổng



TRÍCH Y BẢN CHÍNH
(Pour extrait conforme)

Tân-Hòa ngày 15 tháng 2 năm 1957

Tổng thư ký,
(Le Secrétaire général)

Ủy-viên Hộ-tịch,
(Le Conseiller à l'Etat-civil)

Chm - Tịch Kim Hồ - Tịch



Giám đốc Quản nhân viếng

(Commune)

Biên-lai số 18

(Quittance)

NAM-VIET
(SUD VIET-NAM)

VIET-NAM CONG-HOA
(REPUBLIQUE DU VIET-NAM)

Quận Châu-Thành
(Délégation)
Tông Bình-Long
(Canton)
Xã Tân-Hòa
(Village)

BỘ ĐỜI CÔNG-DÂN VIỆT-NAM
(ETAT-CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1931

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Tân-Hòa
(Village)

TỈNH VĨNH-LONG
(Province)

(NAM-VIET)
(Sud Viet-Nam)

KHAI SANH SỐ 65
(Acte N°)

Nhà in LONG-HA - Vinhlong

Tên và họ đứa trẻ (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Huỳnh-kiểm-Phung</u>
Nam hay Nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam</u>
Ngày sinh (Date de naissance)	<u>Le 19 Août 1931</u>
Nơi sinh (Lieu de naissance)	<u>Làng Tân-Hòa</u>
Tên và họ người cha (Nom et prénom du père)	<u>Huỳnh-văn-Ngân</u>
Nghề - nghiệp (Sa profession)	<u>Mécanicien</u>
Nơi cư trú (Son domicile)	<u>Làng Tân-Hòa</u>
Tên và họ người mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Lê-thị-Tân</u>
Nghề - nghiệp (Sa profession)	<u>Marchande</u>
Nơi cư trú (Son domicile)	<u>Làng Tân-Hòa</u>
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang)	<u>Vợ chánh</u>



Chúng tôi
(Nous)
Quận-Trưởng quận Châu-Thành
(Délégué Administratif)
Chứng hợp-pháp bút ký ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre)
Hội-Đồng Xã Tân-Hòa
(des Conseillers communaux du village de)
Vinhlong ngày 16 tháng 2 năm 1957.

L. Quận-Trưởng,
(Le Délégué Administratif)

hành trụ,



TRÍCH Y BỐN CHÁNH
(Pour extrait conforme)

Tân-Hòa ngày 15 tháng 2 năm 1957

Tổng thư ký,
(Le Secrétaire général)

Ủy-viên Hộ-tịch,
(Le Conseiller à l'Etat-civil)

Chm - Tịch kim Hộ - Tịch



Giám đốc Quản nhân viếng

(Comité de)

Bản tại số 18 phi

(Quittance)

District: Capital
Canton: Binh Long
Village: Tan Hoa

VIETNAMESE CIVIL STATUS

EXTRACT COPY OF BIRTH RECORD in 1931
Tan Hoa village, Vinh Long province, South Viet Nam
No. 65

Last & First name of Child	HUYNH KIEM PHUNG
Sex	Male
Date of Birth	August 19, 1931
Place of Birth	Tan Hoa village
Father's name	HUYNH VAN NGAN
Occupation	Mechanic
Domicile	Tan Hoa village
Mother's name	LE THI TAN
Occupation	Businesswoman
Domicile	Tan Hoa village
Legal or second wife	legal wife

I, Chief of Capital District
certified for legalization
the signature of the Committee
of Tan Hoa village
Vinh Long, February 16, 1957
By the order of Chief District
Chief Canton
Signed: illegible
Sealed: Chief of Capital District
Vinh Long
Republic of Viet Nam

EXTRACT COPY OF ORIGINAL
Tan Hoa, February 15, 1957

Secretary General Civil Status Officer

Chairman concurrently Civil Status Officer
Signed: illegible
Sealed: illegible

Costs: Without charge
Receipt No. for
servicen

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, LAI DOAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the document in Vietnamese and French, and that I am competent in three languages Vietnamese, English and French to render such translation.

Date: June 28, 1983

Lai Doan
LAI DOAN

Sworn and subscribed to before me
this 28th day of June, 1983.

Dr. J. P. Smith
Notary Public
 Lancaster, Lancaster County, PA
 My Commission Expires Dec. 15, 1966



HÔN THƯ BẠC

Nhút

Linh Đông xã
Linh Đông xã
Linh Đông xã



Linh Đông xã ngày 26-8-1959
Hội đồng xã chúng tôi
ký tên của viên Hộ tịch

HỘI VIÊN CANH SÁT

HỘI VIÊN TÀI



Sao lục y theo bộ chính
Hội viên hộ tịch

Nguy

(1) Lễ chửa đẻ
được biên án tòa
cải giấy hôn-thủ lại

Người chồng: (Tên, họ)	Huỳnh kiêm Phụng
Nghề-nghiệp:	Quản nhân
Sinh tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Sinh ngày:	19 tháng 8 năm 1931
Cư-trú tại:	Linh Đông xã
Cha chồng: (Tên, họ, sống chết phải nói)	Huỳnh Văn Ngàn (sống)
Mấy tuổi:	56 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nhịệp chủ
Cư-trú tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Mẹ chồng: (Tên, họ, sống chết phải nói)	Lê thị Tân (sống)
Mấy tuổi:	54 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nội trợ
Cư-trú tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Chủ-hôn bên trai: (Tên, họ)	Huỳnh Văn Ngàn
Mấy tuổi:	50 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nhịệp chủ
Cư-trú tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Người vợ: (Tên, họ)	Phạm thị Nga
Vợ (chánh hay vợ thứ)	vợ chánh
Nghề-nghiệp:	Nội trợ
Sinh tại:	Tân-Huông (Mỹ-tho)
Sinh ngày:	25 tháng Giêng năm 1938
Cư-trú tại:	Linh Đông xã
Cha vợ: (Tên, họ, sống chết phải nói)	Phạm Văn Hai
Mấy tuổi:	43 tuổi
Nghề-nghiệp:	Giáo viên
Cư-trú tại:	Linh Đông xã



HÔN THƯ BẠC

Nhút

Linh Đông xã
Linh Đông xã
Linh Đông xã



Linh Đông xã ngày 26-8-1959
Hội đồng xã chúng tôi
ký tên của viên Hộ tịch

HỘI VIÊN CANH SÁT

HỘI VIÊN TÀI



Sao lục y theo bộ chính
Hội viên hộ tịch

Ngay

(1) Lễ chửa đẻ
được biên án tòa
cải giấy hôn-thủ lại

Người chồng: (Tên, họ)	Nguyễn Kiên Phụng
Nghề-nghiệp:	Quản nhân
Sinh tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Sinh ngày:	19 tháng 8 năm 1931
Cư-trú tại:	Linh Đông xã
Cha chồng: (Tên, họ, sống chết phải nói)	Nguyễn Văn Ngàn (sống)
Mấy tuổi:	56 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nhịệp chủ
Cư-trú tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Mẹ chồng: (Tên, họ, sống chết phải nói)	Lê Thị Tân (sống)
Mấy tuổi:	54 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nội trợ
Cư-trú tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Chủ-hôn bên trai: (Tên, họ)	Nguyễn Văn Ngàn
Mấy tuổi:	50 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nhịệp chủ
Cư-trú tại:	Tân-Hòa (Vinh-Long)
Người vợ: (Tên, họ)	Phạm Thị Nga
Vợ (chánh hay vợ thứ)	vợ chánh
Nghề-nghiệp:	Nội trợ
Sinh tại:	Tân-Huông (Mỹ-tho)
Sinh ngày:	25 tháng Giêng năm 1938
Cư-trú tại:	Linh Đông xã
Cha vợ: (Tên, họ, sống chết phải nói)	Phạm Văn Hai
Mấy tuổi:	43 tuổi
Nghề-nghiệp:	Giáo viên
Cư-trú tại:	Linh Đông xã

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CAU HOI CHO NGUOI HOI DON

ODP I.V.# _____

Date : _____
 Ngày : 25-10-1984

Fill out this questionnaire in English completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào sơ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt; Nếu bạn không đọc hoặc viết tiếng Anh thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Goi sơ câu hỏi này tới :
 131 Soi Tien Giang
 Sathorn Tai Road
 BANGKOK - THAILAND
 10120

A. Basic Identification Data/ Sơ lược căn bản

1. Name Sex
 Họ, tên HUYNH KIEM PHUNG Phái M
 2. Other Names NONE
 Họ, tên khác
 3. Date/ Place of Birth Vinh Long
 Ngày/ Nơi sinh 19-8-1931
 4. Residence Address 14/1 Tô 10 Ấp Linh Trung Xã Linh Xuân
 Địa chỉ thường trú Huyện Thủ Đức Thành Phố Hồ Chí Minh
 5. Mailing Address 14/1 Tô 10 Ấp Linh Trung Xã Linh Xuân
 Địa chỉ thư từ Huyện Thủ Đức Thành Phố Hồ Chí Minh
 6. Current Occupation SIGNAL OFFICER A.R.V.N.
 Nghề nghiệp hiện tại

B. Relatives To Accompany Me/ Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your Spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS), as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Vợ/chồng và con cái chưa cưới là những người đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), Đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Place Of Birth Nơi sinh	Date of Birth Ngày/ tháng/ năm sinh	Sex Phái	MS Tình trạng: lập Hôn Gia Đình	Relationship Mối Quan Hệ
1. HUYNH KIEM PHUNG	VINH LONG	19-8-1931	M	M	MYSELF
2. HUYNH PHU LOAN	VINH LONG	25-1-1932	F	M	WIFE
3. HUYNH KIEM MINH	TÂY NINH	23-8-1952	F	M	DAUGHTER
4. HUYNH THU NGUYET	THU DUC	11-12-1958	M	S	SON
5. HUYNH KIM KHANH	KHANH HOA	15-12-1960	F	S	DAUGHTER
6. HUYNH KIM QUANG	THU DUC	19-2-1964	M	S	SON
7. NGUYEN VAN CAP	SONG AN	26-2-1965	M	S	SON
8. NGUYEN TUAN VU	THU DUC	25-8-1956	M	M	SON IN LAW
9. NGUYEN TUAN VU	THU DUC	02-1-1984	M	S	NEPHEW
10.					

(NOTE : For the persons listed above, we will legible copies of Birth Certificates, Marriage Certificate (if married), Divorce (if divorced), Spouse's death Certificate (if widowed), Identification Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, hôn thú, (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ Căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I)

C. Relatives Outside Vietnam/ Bà con ở Ngoài Quốc

Of Myself / Của Tôi

Of My Spouse/ Của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
 Bà con thân nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, tên

MAI TUYET HA

b. Relationship

3. Address
Địa chỉ
4. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày họ sang Hoa Kỳ 1979

5. Closest Relative in Other Foreign Countries
Họ gần nhất khác
a. Name
Họ, tên
b. Relationship
Liên hệ gia đình
c. Address
Địa chỉ

6. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách Toàn Thể Gia Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha HUYNH VĂN NGÂN (DEAD)
2. Mother
Mẹ LÊ THỊ TÂN (DEAD)
3. Spouse
Vợ/Chồng PHẠM PHÍ NGÀ (LIVING)
4. Former Spouse (if any)
Vợ/chồng trước (nếu có) NONE
5. Children
Con cái
(1) HUYNH PHÍ LOAN (LIVING)
(2) HUYNH KIEM MINH (LIVING)
(3) HUYNH THỊ NGUYỄN THƯƠNG (LIVING)
(4) HUYNH KIM KHANH (LIVING)
(5) HUYNH KIM QUANG (LIVING)
(6) NGUYỄN VĂN CÚ (LIVING)
(7) NGUYỄN VĂN KÝ (LIVING)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em
(1) HUYNH THỊ TIẾNG (LIVING)
(2) HUYNH THỊ HUOANG (LIVING)
(3) HUYNH VĂN LANG (DEAD)
(4) HUYNH THỊ THOẠI (LIVING)
(5) HUYNH THỊ TUYẾT MAI (OTHER NAME MAI TUYẾT HÀ)
(6)
(7)
(8)
(9)

7. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your Spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho Công ty của Chính Phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ.

1. Employee Name
Tên họ nhân viên
Position
Chức vụ
Agency/Company/Office
Hàng/Hãng/Văn Phòng
Length of Employment From To
Thời gian làm việc Từ Đến
Name of American Supervisor
Tên họ Giám Thị Mỹ
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

2. Employee Name
Tên họ nhân viên
Position
Chức vụ
Agency/Company/Office
Hàng/Hãng/Văn Phòng
Length of Employment From To
Thời gian làm việc Từ Đến
Name of American Supervisor
Tên họ Giám Thị Mỹ
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

3. Employee Name
Tên, họ nhân viên
Position
Chức vụ
Agency/Company/Office
Hàng/Hãng/Văn Phòng

1. Name of Person serving
Ho ten nguoi tham gia : HUYNH - KIEM - PHUNG
2. Dates From : To :
Ngày, tháng, năm Từ : 17-11-1953 Đến : 30-4-1975
3. Last Rank Serial Number :
Cấp bậc cuối cùng : MAJOR Số thẻ nhân viên : 51/100-032
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Sở/Đơn vị Minh Quang : MILITARY WAREHOUSE - LONG BINH
5. Name of Commander Supervisor Officer
Họ tên người Chỉ huy : COLONEL - TRUONG BINH LIEN
6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : AFTER - 30/4/1975
7. Names of American Advisor(s) :
Họ tên Cố Vấn Mỹ : FORGER
8. U.S. AWARDS or Certificates
Name of award Date received
Phân thưởng hoặc giải khen : PROTECTION OF NATION MEDAL Ngày nhận : 1970
9. U.S. Training Courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa-Kỳ tại Việt-Nam : _____

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ Ý : Xin kèm theo bản sao văn bằng, giải thưởng, hoặc chứng thư nếu có. Chứng thư có không? Có _____ Không _____.)

6. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee
Họ tên sinh viên/người được huấn luyện : ELSI - PHUNG-HUYNH KIEM
2. School and School Address
Trường và địa chỉ nhà trường : FORT MONMOUTH - NEW JERSEY
3. Dates From : To :
Ngày, tháng, năm Từ : 7-7-1960 Đến : 16-11-1960
4. Description of Courses
Mô tả ngành học : ALLIED OFFICER SIGNAL COMPANY COURSE
5. Who paid for Training?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện? : U. S. GOVERNMENT

(NOTE : Please attach copies of diplomas or awards, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ Ý : Xin kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Có hay không? Có _____ Không _____.)

7. Re-education of You or Your Spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation :
Họ tên người đi học tập cải tạo : HUYNH - KIEM - PHUNG
2. Time in Reeducation : From : To :
Thời gian học tập Từ : 15-6-1975 Đến : 1-9-1981
3. Still in Reeducation? Yes No
Bạn còn học tập cải tạo? Có : _____ Không : X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

8. Any Additional Remarks/ Các chú ý khác

MY HOBBY IS TO BE SEATTLE IN UNITED STATES CALIFORNIA
WHERE I SHOULD HAVE MANY VIETNAMESE AND AMERICAN
FRIENDSHIP HELP ME AT FIRST INSTALLATION FURTHER
MORE I HOPE TO PERFECT MY TECHNICAL SKILL
WITH ALL MY CHILDREN

9. Signature Date
Ký tên : Phung Ngày : 25-10-1984

9. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin liệt kê ở đây tất cả các tài liệu đính kèm vào đơn hỏi này

1. RELEASE CERTIFICATE OF REEDUCATION CAMP 2. MARRIAGE CERTIFICATE
3 BIRTH CERTIFICATE 10 PHOTOS

QUESTIONNAIRE FOR ODD APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV

Date: 10-8-1988
Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name/Họ, tên: HUYNH - KIEM - PHUNG Sex/Phái: M
2. Other Names/Họ, tên khác: NONE
3. Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 19-08-1931 - Vinh Long
4. Residence Address/Địa-chỉ thường-trú: 14/1 Tô 4 ấp 8 - thị trấn Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
5. Mailing Address/Địa-chỉ thư-tử: 14/1 Tô 4 ấp 8 Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
6. Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại: SIGNAL OFFICER

B. Relatives To Accompany Me/Bà-con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name/Họ, Tên	Date of Birth/Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth/Nơi sinh	Sex/Phái	MS/Tình trạng gia đình	Relationship/Liên-hệ gia-đình
HUYNH KIEM PHUNG	19-8-1931	Vinh Long	M	M	Myself
PHAM PHU NGA	25-1-1938	Mỹ Tho	F	M	wife
HUYNH PHU LOAN	23-8-1952	Vinh Long	F	M	Daughter
HUYNH KIEM MINH	11-10-1958	Tây Ninh	M	M	Son
HUYNH THU NGUYET HOANG	15-12-1960	Thủ Đức	F	M	Daughter
HUYNH KIM TUNG	23-1-1963	Thủ Đức	M	M	Son
HUYNH KIM KHANH	19-2-1964	Khánh Hòa	M	S	Son
HUYNH KIM QUANG	26-2-1966	Thủ Đức	M	S	Son
NGUYEN VAN CO	25-8-1956	Thủ Đức	M	M	Son in Law
NGUYEN TUAN VU	2-1-1984	Thủ Đức	M	S	Nephew
PHAM THI NGOC DUNG	11-10-1964	Sài Gòn	F	M	Daughter in Law

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, hôn nhân (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly dị (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà-con sẽ cùng đi với bạn thì ghi địa-chỉ của họ trong phần I dưới đây.)

Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.

Bà con thân-thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên: MAI - TUYET HA

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình: SISTER

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ: 01/01/1979 - HNK

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên: Huyên Văn

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

3. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

Huyên Văn Ngân (Dead)

2. Mother

Mẹ

Lê Thị Tân (Dead)

3. Spouse

Vợ/Chồng

Phạm Phi Nga (Living)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

None

5. Children

Con cái

(1)

Huyên Phi Loan

Living

(2)

Huyên Kiên Minh

Living

(3)

Huyên Thị Nguyệt Hồng

Living

(4)

Huyên Kim Tươi

Living

(5)

Huyên Kim Khánh

Living

(6)

Huyên Kim Quang

Living

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em

(1)

Huyên Thị Tiêng (Dead)

(2)

Huyên Thị Hương (Living)

(3)

Huyên Văn Lang (Dead)

(4)

Huyên Thị Thảo (Living)

(5)

Huyên Thị Tuyết Mai (Other name: Mai Tuyết)

(6)

137 Tennyson Dr.
Lancaster PA
17602 USA

Ajka 30-7-1975

7. Names of American Advisor(s):

Họ tên cố vấn Mỹ

Forget

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Protection of Nation Medal

Ngày nhận:

1970

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No ☒)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy-ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có Không)

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

(First L^t PHONG HUYNH - KIEM)

Họ tên Sinh-Viên/người được huấn-luyện:

HUYNH KIEM - PHONG

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

FORT MONMOUTH NEW JERSEY

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ

Đến

7-7-1960

16-11-1960

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

Allied officer Signal Company Course

5. Who paid for training?

AI đài-tho chđng-trình huấn-luyện?

U.S. Government

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

11. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

HUYNH - KIEM - PHUNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

To:

Từ

Đến

15-6-1975

1-9-1981

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

Any Additional Remarks?/Cúdc chú phụ-thuý

My hobby is to be seattler in united states californiq
Where I should have many vietnamese and American
Friendship help me at first installation Further
more i hope to perfect my technical skill with
all my children

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

10-8-1988

Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

Employee Name

Tên họ nhân-viên

Position title

Chức-vụ

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng

Length of Employment

Thời gian làm việc

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

Employee Name

Tên họ nhân-viên

Position title

Chức-vụ

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng

Length of Employment

Thời gian làm việc

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

Employee Name

Tên họ nhân-viên

Position title

Chức-vụ

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng

Length of Employment

Thời gian làm việc

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi
Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan

Đi-huy

17-1-1953

To:

30-4-1975

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: 51/1002032

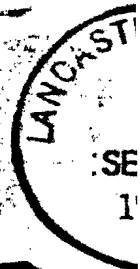
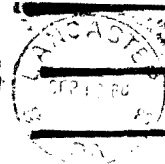
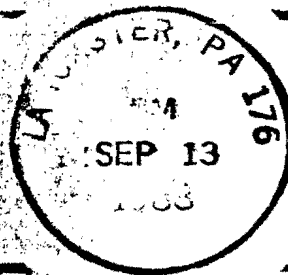
General Military Warehouse Long Binh

Colonel Trương Đình Liêu

Mr. & Mrs. Tinh Phat Ha



FIRST CLASS



To Hoi Gia Dinh Tu Nhan Chanh tri
PO Box 5435
Arlington VA 22205-0635

10

SEP 15 1988

FIRST CLASS

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Họ và tên: Nguyễn Văn

Đến: phân đội

Tỉnh: Hà Tĩnh

--	--	--	--	--	--	--	--

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số

Họ và tên	<u>NGUYỄN VĂN VU</u>		Nam, nữ	<u>Nam</u>
Sinh ngày	<u>02-01-1984</u>			
Nơi sinh	<u>phân đội phân đội</u>			
Khởi về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Cường</u> <u>1956</u>	<u>Nguyễn Thị Lâm</u> <u>1957</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>thôn viên</u>	<u>Công nhân</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>3/5 ấp Xuân Hiệp 1</u>	<u>14/1 ấp Linh Giang</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Cường</u> <u>1956</u>			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký, ngày tháng năm 198

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Tháng năm 19

(Ký tên đóng dấu)

Nguyễn Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG
Họ và tên Nguyễn Tấn Quý
Bí danh

Sinh ngày tháng 25. 8. 1956
năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Nghề nghiệp Nhân viên

Nơi đăng ký Xã 83/5 ấp Khuân

nhân khẩu Thị trấn 5 Linh Xuân

thường trú Thị trấn Thủ Đức

Số giấy chứng minh nhân dân: 02021918

hoặc hộ chiếu

VỢ
Họ và tên Nguyễn Phi Loan
Bí danh

Sinh ngày tháng 23. 8. 1957
năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Nghề nghiệp Nhân viên

Nơi đăng ký Xã 14/1 ấp Khuân

nhân khẩu Thị trấn Thủ Đức

thường trú Thị trấn Thủ Đức

Số giấy chứng minh nhân dân: 12027027

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 01 tháng 11 năm 1982

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Nguyễn Văn Khoa

Nguyễn Tấn Quý



Phạm Văn U

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BIÊN HÒA

Quận: THị XUYỀN

Xã: THị XUYỀN

Số hiệu: 03



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 1 tháng 9 năm 1977

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN VĂN CỎ
Con trai hay con gái : Con trai
Ngày sinh : 1/9/1977
Nơi sinh : Thị xã Xuyền
Tên họ người cha : NGUYỄN VĂN CỎ
Tên họ người mẹ : NGUYỄN VĂN CỎ
Vợ chánh hay không có : Không có
hôn thú : Không
Tên họ người đứng khai : NGUYỄN VĂN CỎ

Tên họ : TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày 1 tháng 9 năm 1977

UV-Văn-chức Hộ-lich

HÀNH CHÁNH

THÂN: XUYỀN-VINH

MIỄN THỊ THỰC

Phạm chỉnh VT. 22 4360/244/46/10
Ngày 03/8/1970

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-SỐ QUAN-TRIAN

TỈNH GIA-ĐÌNH

XÃ LINH-ĐÔNG

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1965

Số hiệu: 142

Tên, họ đầu nhi	HUYỀN-KIM-TUNG
Phái	Con trai
Sanh (ngày, tháng, năm)	Hai mươi ba tháng Giêng dương lịch 1965
Tại	Nhà Bảo-sanh Đại-Đông Thủ-Đức
Cha (Tên, họ)	HUYỀN-KIM-PHỤNG
Nghề	Quân-nhân
Cư-trú tại	Linh-Đông-Xã
Mẹ (Tên, họ)	PHẠM-THỊ-NGA
Nghề	Nội-trợ
Cư-trú tại	Linh-Đông-Xã
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

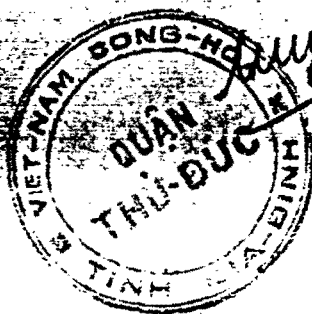
Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiểm Ủy-viên Hộ-tịch Xã LINH-ĐÔNG

Thủ-Đức, ngày 12 tháng 05 năm 1965

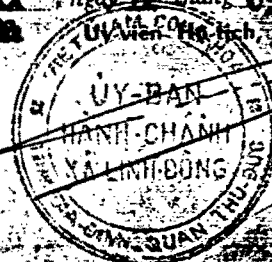
L. QUẢN-HƯỚNG

Trích y bản chánh: 1965

LINH-ĐÔNG-Xã, ngày 12 tháng 05 năm 1965
CHỦ-TỊCH KINH



LÊ TÂN PHÁT



TRẦN VĂN THAI

Xã, Thị trấn Phường 27Thị xã, Quận Bình ThạnhThành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 99/88Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>HUYNH - KIM - TUNG</u>	<u>PHAM THỊ NGOC DUNG</u>
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	<u>23 . 01 . 1963</u>	<u>11 . 10 . 1964</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt</u>	<u>Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Y - Tá</u>	<u>Y - Tá</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>14/1 ấp Linh Trung - Thị</u> <u>Trần - Thủ Đức</u> <u>TP. Hồ Chí Minh</u>	<u>209 Lô 1 Cư Xá Thanh Đa</u> <u>Phường 27 Q. Bình Thạnh</u> <u>TP. Hồ Chí Minh</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>021363436</u>	<u>022204822</u>

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký ngày 26 tháng 07 năm 1988
TM/UBND Phường 27 Ký tên đóng dấu

(Chữ rõ họ tên, chức vụ)

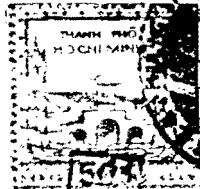
Chủ - tịchNguyễn - Công - Khanh

Ký Tên - Đóng Dấu

NHÂN THỰC SAO Y BAN CHÁNH

Ngày 26 tháng 07 năm 1988TM/UBND Phường 27 Ký tên đóng dấu

(Chữ rõ họ tên, chức vụ)

Nguyễn Công KhanhC. SĨNH THẠNH
PHƯỜNG 27
MỘ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Họ và tên: Nguyễn Văn
 Ngày: tháng 01
 Tỉnh: Hà Tĩnh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số: _____
 Quyển số: _____

Họ và tên	NGUYỄN VĂN VU		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày	02-01-1984			
Nơi sinh	thị trấn thị trấn			
Khởi về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Cui 1956	Nguyễn Thị Loan 1957		
Dân tộc	Kinh	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Nhân viên	Công nhân		
Nơi ĐKNK thường trú	3/5 thị trấn Hiệp 1	14/1 thị trấn Hiệp 1		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Văn Cui - 1956			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký, ngày _____ tháng _____ năm 1984

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Thị trấn năm 19

(Ký tên đóng dấu)

Nguyễn Văn Cui

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BIÊN HÒA

Quận: THị XUYỀN

Xã: THị XUYỀN

Số hiệu: 03



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 1 tháng 9 năm 1977

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN VĂN CỎ
Con trai hay con gái : Con trai
Ngày sinh : 1/9/1977
Nơi sinh : Thị xã Xuyền
Tên họ người cha : NGUYỄN VĂN CỎ
Tên họ người mẹ : NGUYỄN VĂN CỎ
Vợ chánh hay không có : Không có
hôn thú : Không
Tên họ người đứng khai : NGUYỄN VĂN CỎ

Tên họ : TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày 1 tháng 9 năm 1977

UVIEN-chuc. Hộ-lich

THÂN: XUYỀN-VINH

MIỄN THỊ THỰC

Phạm chỉnh VT. 22 4360/244/46/10
Ngày 03/8/1970

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG
Họ và tên Nguyễn Tấn Quý
Bí danh

Sinh ngày tháng 25. 8. 1956
năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Nghề nghiệp Nhân viên

Nơi đăng ký Xã 83/5 ấp Khuân

nhân khẩu Thị trấn 5 Linh Xuân

thường trú Huyện Thủ Đức

Số giấy chứng minh nhân dân: 02021918

hoặc hộ chiếu

VỢ
Họ và tên Nguyễn Phi Loan
Bí danh

Sinh ngày tháng 23. 8. 1957
năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Nghề nghiệp Nhân viên

Nơi đăng ký Xã 14/1 ấp Khuân

nhân khẩu Thị trấn 5 Linh Xuân

thường trú Huyện Thủ Đức

Số giấy chứng minh nhân dân: 12027027

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 01 tháng 11 năm 1982

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Kiểm tra

Nguyễn Tấn Quý



Phạm Văn U

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM VinhLong
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH xã Long-Châu
(Extrait du registre des actes de naissance)

VinhLong

NĂM 1957
(Année)

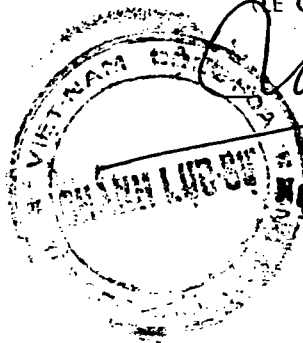
SỐ HIỆU 1574
(Acte No)

Họ, tên đứa trẻ (Prénom et nom de l'enfant)	Huỳnh-Phi-Loan
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nữ
Ngày sanh (Date de naissance)	Hai mươi ba tháng tám dương-lịch, năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy.
Nơi sanh (Lieu de naissance)	Long-Châu (VinhLong)
Họ, tên cha (Prénom et nom du père)	Huỳnh-Xiêm-Phụng
Nghề nghiệp của cha (Sa profession)	Quản-Nhân
Nơi cư ngụ của cha (Son domicile)	Tân-Hòa (VinhLong)
Họ, tên mẹ (Prénom et nom de la mère)	Phạm-Thị-Nga
Nghề nghiệp của mẹ (Sa profession)	nội-trợ
Nơi cư ngụ của mẹ (Son domicile)	Tân-Hòa (VinhLong)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh (hôn thú số 63/1956 Linh-Đông-Xã Gia-Định)

Trích bản chánh,
(Pour extrait conforme)

VinhLong, ngày 04.01 197 5

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Nguyễn-Văn-Vinh

Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số 7409/IO/B.
(Quittance No)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM VinhLong
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

xã Long-Châu

VinhLong

NĂM 1957
(Année)

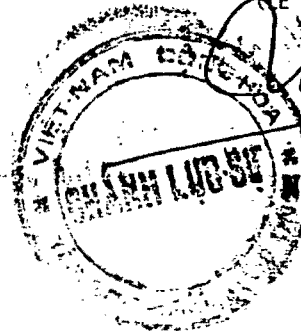
SỐ HIỆU 1574
(Acte No)

Họ, tên đứa trẻ (Prénom et nom de l'enfant)	Huỳnh-Phi-Loan
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nữ
Ngày sanh (Date de naissance)	Hai mươi ba tháng tám dương-lịch, năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy.
Nơi sanh (Lieu de naissance)	Long-Châu (VinhLong)
Họ, tên cha (Prénom et nom du père)	Huỳnh-Kim-Phụng
Nghề nghiệp của cha (Sa profession)	Quản-Nhân
Nơi cư ngụ của cha (Son domicile)	Tân-Hòa (VinhLong)
Họ, tên mẹ (Prénom et nom de la mère)	Phạm-Thị-Nga
Nghề nghiệp của mẹ (Sa profession)	nội-trợ
Nơi cư ngụ của mẹ (Son domicile)	Tân-Hòa (VinhLong)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh (hôn thú số 63/1956 Linh-Dũng-Xã Gia-Dịnh)

Trích lục bản chánh,
(Pour extrait conforme)

VinhLong, ngày 04.01 197 5

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Nguyễn-Văn-Vinh

Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số 7409/IO/B.
(Quittance No)



GIA-ĐÌNH

THỦ-ĐỨC

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1966

Số hiệu 477

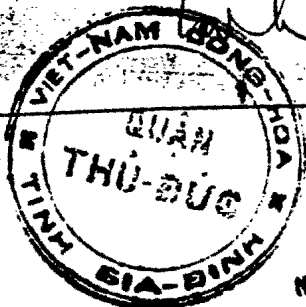
Tên, họ ấu nhi	<u>Huyền - Kha - Quang</u>
Phái	<u>Trái</u>
Sanh (ngày, tháng, năm)	<u>Ngày hai mươi sáu tháng hai dương lịch 1966</u>
Tại	<u>Hà Nội sinh Đại Tổng Thống</u>
Cha (Tên, họ)	<u>Huyền - Kha Phụng</u>
Nghề	<u>Quân nhân</u>
Cư-trú tại	<u>K.B.C. 43II</u>
Mẹ (Tên, họ)	<u>Phạm - Thị - Nga</u>
Nghề	<u>Nội trợ</u>
Cư-trú tại	<u>K.B.C. 43II</u>
Vợ (Chánh hay thứ)	<u>Tg chính</u>

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã

Thủ-Đức, ngày 12 tháng 8 năm 196

QUẬN-TRƯỞNG

PHÓ QUẬN-TRƯỞNG



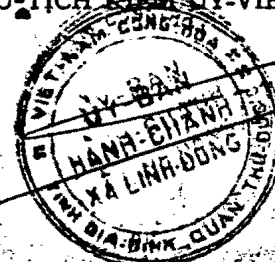
NGUYỄN-KHOA TANH
PHÓ QUẬN-TRƯỞNG

Trích y bản chính

Năm 1966

ngày 8 tháng 8 năm 196

CHỦ-TỊCH KIÊM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



PHẠM-VĂN-HAI

Me vợ (Tên, họ, sống chết phải nói)	Lưu-kim-Lo (chết)
Mấy tuổi :	-----
Nghề-nghiệp :	-----
Cư-trú tại :	-----
Chủ-hôn bên gái (Tên, họ)	Phạm Văn Hai
Mấy tuổi :	43 tuổi
Nghề-nghiệp :	Giáo viên
Cư-trú tại :	Linh đông xã
Người làm mai (Tên, họ)	Võ mai nhơn
Mấy tuổi :	-----
Nghề-nghiệp :	-----
Cư-trú tại :	-----
Ngày cưới :	-----
Ngày khai :	-----
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thứ không ?	
Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thứ :	

Người chứng thứ nhất (Tên, họ)	Phạm Văn Hai
Mấy tuổi :	50 tuổi
Nghề-nghiệp :	Thợ kỹ nghệ, Hồng Kông, Việt Nam
Cư-trú tại :	Saigon
Người chứng thứ nhì (Tên, họ)	Phạm Văn Quý
Mấy tuổi :	43 tuổi
Nghề-nghiệp :	Giám đốc sai quán
Cư-trú tại :	Tại hương Nghiệp Thuận

Lập tại Linh đông xã ngày 21 tháng 11 1956

Vợ chồng,
Huỳnh Kim Phụng

Mai-nhơn,
Võ mai nhơn

Cha mẹ hai bên,
Huỳnh Văn Ngàn
Lê Thị Tân
Phạm Văn Hai
Lưu Kim Lo (chết)

Hồ-lại,
Đặng Văn Ngạc

Chủ-hôn,
Huỳnh Văn Ngàn
Phạm Văn Hai

Nhơn-chứng,
Phạm Văn Quý

PHẢI BIẾT.— Chỗ trống không dùng tới thì phải kéo một nét.

Me vợ (Tên, họ, sống chết phải nói)	Lau-kia-Lo (chết)
Mấy tuổi :	-----
Nghề-nghiệp :	-----
Cư-trú tại :	-----
Chủ-hôn bên gái : (Tên, họ)	Phạm Văn Hai
Mấy tuổi :	43 tuổi
Nghề-nghiệp :	Giáo viên
Cư-trú tại :	Linh Đông xã
Người làm mai : (Tên, họ)	Võ Mai Nhơn
Mấy tuổi :	-----
Nghề-nghiệp :	-----
Cư-trú tại :	-----
Ngày cưới :	-----
Ngày khai :	-----
Vợ chồng có khai nhận con tư- sanh làm con chánh-thức không ?	
Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức :	

Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	Đã phát Tịnh
Mấy tuổi :	50 tuổi
Nghề-nghiệp :	Thợ kỹ nghệ, không
Cư-trú tại :	Việt Nam Saigon
Người chứng thứ nhì : (Tên, họ)	Phạm Văn Quý
Mấy tuổi :	43 tuổi
Nghề-nghiệp :	Giám Đốc sai quán
Cư-trú tại :	Trại hương Nghiệp Thuận

Lập tại Linh Đông ngày 11 tháng 11 1956

Vợ chồng,
Huỳnh Kim Phụng

Mat-nhon,
Võ Mai Nhơn

Cha mẹ hai bên,
Huỳnh Văn Hân
Lê Thị Tân
Phạm Văn Hai
Lau Kim Lo (chết)

Hồ-lai,
Đặng Văn Ngọc

Chủ-hôn,
Huỳnh Văn Hân
Phạm Văn Hai

Nhon-chúng,
Đã phát Tịnh
Phạm Văn Quý

PHẢI BIẾT.— Chỗ trống không dùng tới thì phải kéo một nét.

BẢN SAO LỤC BỘ KHAI SANH LANG TÀ THO (MYTHO)
(Extrait du registre des actes de naissance)(NAM - VIỆ
(Sud-Viet-Nam)NĂM 1938
(Année)SỐ HIỆU 14
(Acte N°)Tên, họ đứa con nít
(Nom et prénom de l'enfant)

PHẠM THỊ NGÀ

Nam, nữ
(Sexe de l'enfant)

Nữ

Sanh ngày nào
(Date de naissance)

LE 25 Janvier 1938

Sanh tại chỗ nào
(Lieu de naissance)

Tân Hương

Tên, họ cha
(Nom et prénom du père)

PHẠM VĂN HAI

Cha làm nghề gì
(Sa profession)

Làm thợ

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Thị Đức

Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère)

LÊ KIM LÂN

Mẹ làm nghề gì
(Sa profession)

Thợ may

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Thị Đức

Vợ chánh hay là vợ thứ
(Son rang de femme mariée)

Vợ chánh

Chúng tôi, NGUYỄN-KHẮC-VŨNG
(Nous)Chánh án Tòa HUYỆN
(Président du Tribunal)chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de M.)

ông NGUYỄN-HUY-SUM

Chánh Lục-sư Tòa-án sở tại,
(Greffier en chef dudit tribunal).

HUYỆN, ngày 17 / 3 / 1938

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)Sao y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

HUYỆN, ngày 17 / 3 / 1938

CHÁNH LỤC-SƯ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 1.000

(Coût)

Biên lai số: 10183

(Quittance n°)



BẢN SAO LỤC BỐ KHAI SANH

LÀNG TÀ, MỸ THO (MỸ THO)

(Extrait du registre des actes de naissance)



(NAM - VIỆT)

(Sud-Viet-Nam)

NAM 1938

(Année)

SỐ HIỆU 14

Acte N°

Tên, họ đứa con nít
(Nom et prénom de l'enfant)

PHẠM THỊ NGÀ

Nam, nữ
(Sexe de l'enfant)

Nữ

Sanh ngày nào
(Date de naissance)

LE 25 Janvier 1938

Sanh tại chỗ nào
(Lieu de naissance)

Tân Hương

Tên, họ cha
(Nom et prénom du père)

PHẠM VĂN HAI

Cha làm nghề gì
(Sa profession)

Làm thợ

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Thị Đức

Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère)

LÊ KIM LÊ

Mẹ làm nghề gì
(Sa profession)

Thợ may

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Thị Đức

Vợ chánh hay là vợ thứ
(Son rang de femme mariée)

Vợ chánh

Chúng tôi, NGUYỄN-KHẮC-VŨNG

(Nous)

Chánh án Tòa

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de M.)

ông NGUYỄN-HUY-SU

Chánh Lục-sư Tòa-án sở tại,
(Greffier en chef dudit tribunal).

MỸ THO, ngày 17/3/1938

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)Sao y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

MỸ THO, ngày 17/3/1938

CHÁNH LỤC-SƯ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền 1.000

(Coût)

Biên lai số 10183

(Quittance n°)



Xã, Thị trấn _____



Tỉnh **Saigon**

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số **7895**

Quyền số _____

Họ và tên	PHẠM THỊ NGỌC DUNG		Nam, nữ nữ
Sinh ngày tháng, năm	11 Tháng 10 năm 1964, 15h		
Nơi sinh	Saigon, 455 Phan Đình Phùng		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Phạm Văn Tấn 28T	Trần Ngọc Liên 24T	
Dân tộc	/	/	
Quốc tịch	/	/	
Nghề nghiệp	Phó đốc sự hành chính	Hội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Saigon, 573 Nguyễn Thông		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Mỹ		

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH



năm **1964**
ký tên, đóng dấu

Thị Chín

Đăng ký ngày **14 tháng 10 năm 1964**

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Xã, Thị trấn



in

Tỉnh SaigonBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 7895

Quyền số

Họ và tên	PHẠM THỊ NGỌC DUNG		Nam, nữ	<u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>11 Tháng 10 năm 1964, 15h</u>			
Nơi sinh	<u>Saigon, 455 Phan Đình Phùng</u>			
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Phạm Văn Tắt</u> <u>28T</u>	<u>Trần Ngọc Liên</u> <u>24T</u>		
Dân tộc	<u>/</u>			
Quốc tịch	<u>/</u>			
Nghề nghiệp	<u>Phó Đốc sự hành chính</u>	<u>Hội trợ</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Saigon, 57B Nguyễn Thông</u>			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Mỹ</u>			

NHÂN THƯ SÀO Y BẢN CHÍNH

năm 1964

Ký tên, đóng dấu

Phạm Thị MỹĐã ký ngày 14 tháng 10 năm 1964

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Xã, Thị trấn Phường 27
 Thị xã, Quận Bình Thạnh
 Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 99/88Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	HUYNH - KIM - TÙNG	PHẠM - THỊ - NGỌC - DUNG
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	23 . 01 . 1963	11 . 10 . 1964
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt	Nam
Nghề nghiệp	Y - Tá	Y - Tá
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	14/1 Ấp Linh Trung - Thị Trần - Thủ Đức TP. HỒ CHÍ MINH	209 Lô 1 Cư Xá Thanh Đa Phường 27 Q. Bình Thạnh TP. HỒ CHÍ MINH
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	021 363436	022204822

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký ngày 26 tháng 07 năm 1988
 TM/UBND Phường 27 Ký tên đóng dấu

(Chỉ rõ họ tên, chức vụ)

Chủ - tịch

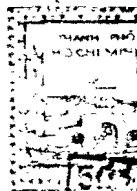
Nguyễn - Công - Khanh

Ký Tên - Đóng Dấu

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 07 năm 1988TM/UBND Phường 27 Ký tên đóng dấu

(Chỉ rõ họ tên, chức vụ)



C. SINH THANH
 PHƯỜNG 27
 T. T. T. T.

Nguyễn Công Khanh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-SỐ QUẢN-QUẢN

TỈNH GIÀ-ĐÌNHXÃ LIÊN-ĐÔNGBẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANHNăm 1963Số hiệu 343

Tên, họ đầu nhi	HUYỀN-KIM-KHUNG
Phái	Con trai
Sanh (ngày, tháng, năm)	Hai mươi ba tháng Giêng năm 1963
Tại	Nhà Báo-sanh Đại-Đông Thủ-Đức
Cha (Tên, họ)	HUYỀN-KIM-TRUNG
Nghề	Quản-nhân
Cư-trú tại	Lĩnh-Đông-Xã
Mẹ (Tên, họ)	PHẠM-THỊ-NGA
Nghề	Nội-trợ
Cư-trú tại	Lĩnh-Đông-Xã
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiểm Ủy-viên Hộ-tích Xã **LIÊN-ĐÔNG**

THỦ-ĐỨC, ngày 12 tháng 05 năm 1963

L. QUẢN-TRUNG

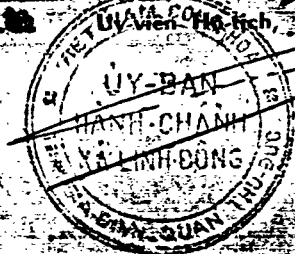
Trích y bản chánh: 1963

LIÊN-ĐÔNG-XI, ngày 12 tháng 05 năm 1963

CHỦ-TỊCH KINH



LÊ TÂN PHÁT



TRẦN VĂN HAI